



TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN
KHOA KINH TẾ

SỔ TAY SINH VIÊN NĂM 2024

(Dành cho sinh viên khoa kinh tế)

1

SÁNG TẠO

2

CHẤT LƯỢNG

3

HỘI NHẬP



File tổng hợp sổ tay sinh viên các ngành



Đắk Lắk, 2024

MỤC LỤC

Lời nói đầu	3
Tham khảo quy chế đào tạo bản đầy đủ tại link dưới đây.....	5
Điều 5. đánh giá kết quả học tập theo học kỳ, năm học.....	5
Điều 10. đăng ký khối lượng học tập	5
Điều 11. rút bớt học phần đã đăng ký và hủy học phần	6
Điều 12. đăng ký học theo nhu cầu	7
Điều 13. hoãn thi	7
Điều 14. nghỉ học tạm thời, thôi học.....	7
Điều 15. xử lý kết quả học tập.....	8
Bảo lưu kết quả học tập.....	9
Điều 19. chuyển ngành, chuyển cơ sở đào tạo, chuyển hình thức học....	9
Điều 23. công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tc (chuyển điểm)... ..	11
Điều 24. xử lý vi phạm đối với sinh viên	11
Phụ lục 1: Hướng dẫn sử dụng phần mềm đăng ký tín chỉ	12
Phụ lục 2: Một số văn bằng, chứng chỉ dùng để thay thế chứng nhận năng lực tiếng anh theo khung năng lực ngoại ngữ 6 ở Việt Nam.....	21
Phụ lục 3: Một số văn bằng, chứng chỉ tương đương dùng để thay thế chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản	21
Phụ lục 4: Trích lục quy định về môn học Giáo dục thể chất	22
Phụ lục 5: Trích quy định về môn học Giáo dục quốc phòng và AN ...	23
Kế hoạch học tập chuẩn theo từng học kỳ của các ngành:	
Ngành kinh tế nông nghiệp	25
Ngành quản trị kinh doanh	30
Ngành kế toán.....	35
Ngành kế toán – kiểm toán.....	40
Ngành tài chính - ngân hàng	45
Ngành kinh tế	50
Ngành kinh doanh thương mại	55
Ngành kinh tế phát triển	60
Ngành công nghệ tài chính.....	65

LỜI NÓI ĐẦU

“Sổ tay sinh viên 2024” của Khoa Kinh tế - Trường Đại học Tây Nguyên chỉ cung cấp cho sinh viên khóa 2024 của Khoa, trích lục các thông tin liên quan trực tiếp đến quy chế đào tạo, các quy định liên quan chương trình đào tạo của chuyên ngành sinh viên đang theo học. Đây là tài liệu dùng để hỗ trợ sinh viên nắm vững chương trình, kế hoạch đào tạo của ngành học, khóa học của mình; trên cơ sở đó sinh viên có thể tự sắp xếp kế hoạch học tập một cách hợp lý và phù hợp nhằm hoàn thành chương trình đào tạo của ngành học theo thời gian quy định.

Nội dung tài liệu bao gồm:

- Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ (Ban hành kèm theo Quyết định số 1574/QĐ-ĐHTN ngày 24/8/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Nguyên).

- Quy định tổ chức và giảng dạy môn học Giáo dục thể chất.

- Trích Quy định về cấp chứng Giáo dục quốc phòng.

- Một số quy định chung

- Kế hoạch học tập chuẩn, khối lượng đăng ký tối thiểu và tối đa trong 1 học kỳ và sơ đồ tiến trình đào tạo của các ngành.

- Hướng dẫn sinh viên đăng ký kế hoạch học tập trên mạng nội bộ và website của Nhà trường.

- Một số văn bản, biểu mẫu.

Tài liệu này được biên soạn, tổng hợp dựa trên chương trình đào tạo đại học Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Nguyên phê duyệt. Mặc dù đã rất cố gắng, song không thể tránh khỏi những thiếu sót. Rất mong sự đóng góp của Quý Thầy, Cô, các em sinh viên để hoàn thiện hơn cho các khóa tuyển sinh sau này.

KHOA KINH TẾ

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học theo tín chỉ

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN

Căn cứ quyết định số 298/CP ngày 11 tháng 11 năm 1977 của Hội đồng Chính phủ về việc thành lập trường Đại học Tây Nguyên;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ văn bản hợp nhất số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quyết định Ban hành quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ kết luận tại cuộc họp ngày 24/6/2021 của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường Đại học Tây Nguyên;

Xét đề nghị của Trường Phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế đào tạo đại học theo tín chỉ”.

Điều 2. Quyết định này được áp dụng từ khóa tuyển sinh 2021 và có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và sinh viên theo học chế tín chỉ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng (để b/c);
- Các Khoa;
- Các phòng TT – PC, Công tác sinh viên, ĐTDH, Quản lý chất lượng;
- Trung tâm Thông tin (đăng Website);
- Lưu VT, ĐTDH (20b).



TS. Nguyễn Thanh Trúc

Tham khảo Quy chế đào tạo bản đầy đủ tại link dưới đây:

<https://www.ttn.edu.vn/index.php/ktdaotao/ktdtdh/5828-1574-qd-dhtn-ngay-24-thang-8-nam-2021>

Hoặc mã QR quy chế



TRÍCH LỤC NHỮNG THÔNG TIN LIÊN QUAN TRỰC TIẾP ĐẾN SINH VIÊN TRONG QUY CHẾ ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1574/QĐ-ĐHTN ngày 24 tháng 8 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Nguyên)

Điều 5. Đánh giá kết quả học tập theo học kỳ, năm học

1. Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ hoặc sau từng năm học;

2. Để tính điểm trung bình, điểm chữ của học phần được quy đổi về điểm số như dưới đây:

A quy đổi thành 4;

B quy đổi thành 3;

C quy đổi thành 2;

D quy đổi thành 1;

F quy đổi thành 0.

4. Sinh viên được xếp loại học lực theo điểm trung bình học kỳ, điểm trung bình năm học hoặc điểm trung bình tích lũy như sau:

Từ 3,6 đến 4,0: Xuất sắc;

Từ 3,2 đến cận 3,6: Giỏi;

Từ 2,5 đến cận 3,2: Khá;

Từ 2,0 đến cận 2,5: Trung bình;

Từ 1,0 đến cận 2,0: Yếu;

Dưới 1,0: Kém.

Điều 10. Đăng ký khối lượng học tập

b) Trách nhiệm của sinh viên:

- Tất cả sinh viên phải thực hiện đăng ký học phần trước khi học kỳ mới bắt đầu (sinh viên mới trúng tuyển không phải đăng ký học phần cho học kỳ đầu tiên của khóa học). Sinh viên nghiên cứu kỹ chương trình đào tạo và những quy định của Nhà trường, trao đổi với cố vấn học tập để được hướng dẫn đăng ký học phần.

- Sinh viên đăng ký học phần trên website hoặc trên phòng máy Trung tâm Thông tin của Nhà trường.

- Sinh viên được quyền bổ sung hoặc thay đổi các học phần, lớp học phần nhằm hoàn chỉnh thời khoá biểu cá nhân trong thời hạn được phép quy định tại mục 2 của Điều này.

- Nếu sinh viên không đăng ký học trong 01 học kỳ chính (trừ học kỳ đầu khóa do Nhà trường sắp xếp hoặc sinh viên không thể đăng ký vì học phần còn nợ không được bố trí trong học kỳ) thì xem như tự ý bỏ học.

2. Có 03 hình thức đăng ký học phần như sau:

a) Đăng ký sớm: Là hình thức đăng ký được thực hiện trước thời điểm bắt đầu học kỳ 01 tháng (có thông báo thời gian bắt đầu học kỳ cụ thể);

b) Đăng ký bình thường: Là hình thức đăng ký được thực hiện trước thời điểm bắt đầu học kỳ 02 tuần;

c) Đăng ký muộn: Là hình thức đăng ký được thực hiện trong 02 tuần đầu của học kỳ chính hoặc trong tuần đầu của học kỳ phụ cho những sinh viên muốn đăng ký học thêm hoặc đăng ký học đổi sang học phần khác khi không có lớp (chỉ áp dụng đối với các học phần chưa bố trí thời khóa biểu).

3. Khối lượng học tập mà mỗi sinh viên phải đăng ký trong mỗi học kỳ được quy định như sau:

a) Khối lượng tối thiểu không ít hơn $\frac{2}{3}$ khối lượng trung bình một học kỳ theo kế hoạch học tập chuẩn

b) Khối lượng tối đa không vượt quá $\frac{3}{2}$ khối lượng trung bình một học kỳ theo kế hoạch học tập chuẩn.

c) Đối với học kỳ phụ (nếu có): Sinh viên đăng ký không vượt quá 8 tín chỉ. Không xét học bổng cho sinh viên trong học kỳ này.

4. Việc đăng ký các học phần sẽ học cho từng học kỳ phải bảo đảm điều kiện tiên quyết của từng học phần và trình tự học tập của mỗi chương trình cụ thể. Sinh viên được phép đăng ký và theo học bất kỳ một học phần nào đó có mở lớp trong học kỳ nếu thỏa mãn các điều kiện ràng buộc riêng của học phần (tiên quyết, học trước, song hành, và nếu lớp học tương ứng còn có khả năng tiếp nhận sinh viên).

*** Hướng dẫn đăng ký học phần:**

- **Đối với đăng ký sớm và bình thường:** Cụ thể theo phụ lục 1 ở cuối sổ tay này.

- **Đối với đăng ký muộn:** Tải mẫu đơn đăng ký thêm học phần tại:

<https://www.ttn.edu.vn/index.php/ktdaotao/ktdtdh/5830-cac-m-u-don-danh-cho-sinh-vien>

Hoặc mã QR mẫu VB



Điều 11. Rút bớt học phần đã đăng ký và hủy học phần

1. Việc rút bớt học phần trong khối lượng học tập đã đăng ký chỉ được chấp nhận sau **2 tuần** kể từ đầu học kỳ chính, nhưng không muộn quá **4 tuần**,

không được rút bớt học phần sau khi có thời khóa biểu. Ngoài thời hạn trên nếu sinh viên không đi học sẽ được xem như tự ý bỏ học và phải nhận điểm F.

2. Điều kiện rút bớt các học phần đã đăng ký:

a) Sinh viên phải tự viết đơn gửi Phòng Đào tạo;

b) Không vi phạm khoản 3 Điều 10.

Sinh viên chỉ được phép bỏ lớp đối với học phần xin rút bớt sau khi Phòng Đào tạo đồng ý và xóa tên khỏi danh sách lớp học phần.

3. Học phần hủy là học phần không xóa khỏi lớp học phần nhưng được đánh dấu hủy để không tính vào kết quả học tập theo nguyện vọng của sinh viên. Sinh viên được quyền làm đơn để xin hủy các học phần tự chọn đã có kết quả học phần khác thay thế để được giải quyết.

Điều 12. Đăng ký học theo nhu cầu

Sinh viên được phép đăng ký mở lớp theo nhu cầu cá nhân với các học phần không có trong kế hoạch giảng dạy của Nhà trường (*không mở các lớp nhu cầu nếu học phần đã có trong kế hoạch giảng dạy của Nhà trường trừ trường hợp sinh viên nhập học muộn, có điểm muộn*) nhưng phải được sự đồng ý của bộ môn phụ trách, Khoa và phải đảm bảo kinh phí cho lớp học phần tối thiểu 10 sinh viên. Không áp dụng chế độ miễn giảm học phí đối với các lớp học phần này.

Điều 13. Hoãn thi

Sinh viên được phép hoãn thi trong các trường hợp không thể tham dự vì lý do sức khỏe hoặc vì các lý do bất khả kháng khác. Trong thời gian 07 ngày kể từ ngày thi, sinh viên có quyền làm đơn xin hoãn thi gửi Phòng Đào tạo để xin được hoãn thi.

Hồ sơ xin hoãn thi gồm có:

+ Đơn xin hoãn thi có xác nhận của cố vấn học tập và Khoa quản lý.

+ Giấy xác nhận của cơ quan y tế (trong trường hợp vì lý do sức khỏe)

hoặc các giấy tờ khác minh chứng lý do bất khả kháng theo trình bày.

Phòng Đào tạo căn cứ vào hồ sơ trên, quyết định việc hoãn thi.

Sinh viên được cho phép hoãn thi được tính là vắng thi có lý do chính đáng và được dự thi lại ở kỳ thi khác và được tính điểm lần đầu theo quy định tại khoản 2 Điều 22 của Quy chế này.

Điều 14. Nghỉ học tạm thời, thôi học

1. Sinh viên được quyền viết đơn gửi Hiệu trưởng xin nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả đã học trong các trường hợp sau:

a) Được điều động vào các lực lượng vũ trang;

b) Được cơ quan có thẩm quyền điều động, đại diện quốc gia tham dự các kỳ thi, giải đấu quốc tế;

c) Bị ốm hoặc tai nạn phải điều trị thời gian dài, có giấy xác nhận của cơ quan y tế;

d) Sinh viên được Nhà trường cử đi trao đổi học tập ở nước ngoài.

e) Vì nhu cầu cá nhân: Trường hợp này, sinh viên phải học ít nhất một học kỳ ở Nhà trường, không rơi vào các trường hợp bị buộc thôi học hoặc xem xét kỷ luật. Thời gian nghỉ học tạm thời vì nhu cầu cá nhân phải được tính vào thời gian học chính thức quy định tại khoản 1 Điều 6 của Quy chế này.

2. Sinh viên nghỉ học tạm thời, khi muốn trở lại học tiếp tại Trường, phải viết đơn gửi Hiệu trưởng ít nhất một tuần trước khi bắt đầu học kỳ mới.

3. Hiệu trưởng ban hành quyết định cho sinh viên nghỉ học tạm thời và trở lại học tiếp.

4. Sinh viên xin thôi học vì lí do cá nhân, trừ trường hợp bị xem xét buộc thôi học hoặc xem xét kỷ luật. Những sinh viên này muốn quay trở lại học phải dự tuyển đầu vào như những thí sinh khác.

Điều 15. Xử lý kết quả học tập

1. Cuối mỗi học kỳ chính, sinh viên được cảnh báo học tập dựa trên một số điều kiện như sau:

a) Tổng số tín chỉ không đạt trong học kỳ vượt quá 50% khối lượng đã đăng ký học trong học kỳ, hoặc tổng số tín chỉ nợ đọng từ đầu khóa học vượt quá 24 tín chỉ;

b) Điểm trung bình học kỳ đạt dưới 0,8 đối với học kỳ đầu của khóa học, dưới 1,0 đối với các học kỳ tiếp theo;

c) Điểm trung bình tích lũy đạt dưới 1,2 đối với sinh viên trình độ năm thứ nhất, dưới 1,4 đối với sinh viên trình độ năm thứ hai, dưới 1,6 đối với sinh viên trình độ năm thứ ba hoặc dưới 1,8 đối với sinh viên các năm tiếp theo.

2. Sinh viên bị buộc thôi học nếu rơi vào các trường hợp sau:

a) Số lần cảnh báo học tập hoặc mức cảnh báo học tập vượt quá 2 lần liên tiếp;

b) Thời gian học tập vượt quá giới hạn theo quy định tại khoản 5 Điều 2 của Quy chế này.

4. Hình thức thông báo tới sinh viên

Sinh viên bị cảnh báo kết quả học tập, buộc thôi học được Nhà trường thông báo bằng các hình thức sau:

- Được Lãnh đạo các Khoa (thông qua cố vấn học tập) trực tiếp thông báo tới sinh viên.

- Được thông báo qua hệ thống Email nội bộ của Nhà trường đã cấp cho sinh viên.

Riêng đối với sinh viên bị buộc thôi học, ngoài việc thông báo bằng các hình thức trên, trong vòng 01 tháng kể từ khi có Quyết định, Phòng Công tác sinh viên có trách nhiệm gửi thông báo tới gia đình và địa phương nơi sinh viên có hộ khẩu thường trú.

5. Bảo lưu kết quả học tập

Sinh viên bị buộc thôi học (trừ trường hợp bị buộc thôi học theo quy định tại khoản 3 Điều 24 của Quy chế này) được phép:

+ Chuyển qua đào tạo theo hình thức vừa làm vừa học cùng với ngành tương ứng ở hình thức đào tạo chính quy (nếu Nhà trường có đào tạo) và sinh viên được bảo lưu toàn bộ kết quả học tập của các học phần đã đạt được.

+ Nộp hồ sơ dự tuyển lại vào Trường, nếu trúng tuyển sinh viên được công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ theo quy định tại Điều 23 của Quy chế này.

Điều 19. Chuyển ngành, chuyển cơ sở đào tạo, chuyển hình thức học

1. Chuyển sang học chương trình đào tạo khác, ngành đào tạo khác trong Nhà trường

Sinh viên được xem xét chuyển sang học chương trình đào tạo, ngành đào tạo khác của Nhà trường khi có đủ các điều kiện sau:

a) Không đang là sinh viên trình độ năm thứ nhất hoặc năm cuối khóa, không thuộc diện bị xem xét buộc thôi học và còn đủ thời gian học tập theo quy định tại khoản 1 Điều 6 của Quy chế này;

b) Sinh viên đạt điều kiện trúng tuyển của chương trình đào tạo, ngành đào tạo trong cùng khóa tuyển sinh;

c) Nhà trường có đủ các điều kiện bảo đảm chất lượng, chưa vượt quá năng lực đào tạo đối với chương trình, ngành đào tạo đó theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

d) Được sự đồng ý của Trường các Khoa đào tạo và của Hiệu trưởng.

4. Thủ tục chuyển chương trình đào tạo, ngành đào tạo, chuyển cơ sở đào tạo, chuyển hình thức đào tạo

a) Sinh viên phải làm đơn xin chuyển chương trình, ngành đào tạo, chuyển cơ sở đào tạo, chuyển hình thức đào tạo;

b) Hiệu trưởng quyết định cho phép hoặc không cho phép sinh viên chuyển chương trình đào tạo, ngành đào tạo, chuyển cơ sở đào tạo, chuyển hình thức đào tạo.

5. Việc công nhận kết quả học tập hoặc chuyển đổi tín chỉ đã tích lũy đối với sinh viên thuộc các trường hợp này thực hiện theo quy định tại Điều 23 của Quy chế này.

Điều 22. Đánh giá và tính điểm học phần

1. Đối với mỗi học phần, sinh viên được đánh giá qua tối thiểu hai điểm thành phần, đối với các học phần có khối lượng nhỏ hơn 02 tín chỉ có thể chỉ có một điểm đánh giá. Các điểm thành phần được đánh giá theo thang điểm 10.

2. Sinh viên vắng mặt trong buổi thi, buổi đánh giá không có lý do chính đáng phải nhận điểm 0. Sinh viên vắng mặt có lý do chính đáng được dự thi, đánh giá ở một đợt khác và được tính điểm lần đầu.

3. Điểm học phần được tính từ tổng các điểm thành phần nhân với trọng số tương ứng, làm tròn tới một chữ số thập phân và xếp loại điểm chữ như dưới đây, trừ các trường hợp được quy định tại điểm d khoản này.

a) Loại đạt có phân mức, áp dụng cho các học phần được tính vào điểm trung bình học tập, bao gồm:

A: từ 8,5 đến 10,0;

B: từ 7,0 đến 8,4;

C: từ 5,5 đến 6,9;

D: từ 4,0 đến 5,4.

b) Loại đạt không phân mức, áp dụng cho các học phần chỉ yêu cầu đạt, không tính vào điểm trung bình học tập:

P: từ 5,0 trở lên.

c) Loại không đạt: F: dưới 4,0.

d) Một số trường hợp đặc biệt sử dụng các điểm chữ xếp loại, không được tính vào điểm trung bình học tập:

I: Điểm chưa hoàn thiện do được phép hoãn thi, kiểm tra;

X: Điểm chưa hoàn thiện do chưa đủ dữ liệu;

R: Điểm học phần được miễn học và công nhận tín chỉ.

4. Học lại, thi và học cải thiện điểm:

a) Sinh viên có điểm học phần không đạt được phép đánh giá lại một điểm thành phần theo quy định tại khoản 1 của Điều này 01 (một) lần để cải thiện kết quả học phần từ không đạt thành đạt (trong trường hợp này điểm học phần sau khi đánh giá lại không được vượt quá mức điểm C – 6,9 điểm); Nếu vẫn tiếp tục không đạt sinh viên phải đăng ký học lại theo quy định tại khoản 2 Điều 10 của Quy chế này và điểm học lần cuối là điểm chính thức của học phần.

b) Sinh viên có kết quả học phần đạt, được phép đăng ký học lại theo quy định tại khoản 2 Điều 10 của Quy chế này và điểm chính thức của học phần là điểm cao nhất giữa các lần học.

5. Miễn thi:

- Sinh viên được miễn thi, kiểm tra đánh giá học phần đối với các học phần được công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ theo quy định tại Điều 23 của Quy chế này.

- Sinh viên tham dự kiểm tra đánh giá năng lực tiếng Anh đầu khóa, tùy thuộc vào kết quả kiểm tra có thể được miễn thi đối một số học phần hoặc tất cả các học phần Tiếng Anh trong chương trình đào tạo. Hiệu trưởng ban hành quy định chi tiết điều kiện được miễn thi các học phần tiếng Anh trong chương trình đào tạo khi tham dự kiểm tra đánh giá năng lực Tiếng Anh đầu khóa.

- Sinh viên có chứng chỉ Tiếng Anh bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam hoặc các văn bằng, chứng chỉ Ngoại ngữ tương đương khác được miễn thi tất cả các học phần Tiếng Anh theo quy định trong chương

trình đào tạo. Các học phần này được công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ theo quy định tại Điều 23 của Quy chế này.

- Sinh viên có chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản hoặc các văn bằng, chứng chỉ tương đương khác được miễn thi đối với học phần Tin học đại cương được quy định trong chương trình đào tạo.

- Sinh viên có chứng chỉ hoặc chứng nhận môn học Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng do các cơ sở Giáo dục đại học cấp được miễn thi các học phần môn học tương đương.

Điều 23. Công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ (chuyển điểm)

1. Sinh viên được xem xét công nhận, chuyển đổi kết quả học tập đã tích lũy từ một trình độ đào tạo khác, một ngành đào tạo hoặc một chương trình đào tạo khác, một khóa học khác hoặc từ một cơ sở đào tạo khác sang những học phần trong chương trình đào tạo theo học.

3. Khối lượng tối đa được công nhận, chuyển đổi không vượt quá 50% khối lượng học tập tối thiểu của chương trình đào tạo.

Điều 24. Xử lý vi phạm đối với sinh viên

1. Sinh viên có gian lận trong thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập sẽ bị xử lý kỷ luật đối với từng học phần đã vi phạm theo các quy định của Quy chế thi tốt nghiệp Trung học phổ thông hiện hành do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Sinh viên thi hộ hoặc nhờ người thi hộ đều bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập 01 năm đối với trường hợp vi phạm lần thứ nhất và buộc thôi học đối với trường hợp vi phạm lần thứ hai.

3. Người học sử dụng hồ sơ, văn bằng, chứng chỉ giả làm điều kiện trúng tuyển hoặc điều kiện tốt nghiệp sẽ bị buộc thôi học; văn bằng tốt nghiệp nếu đã được cấp sẽ bị thu hồi, hủy bỏ.

Điều 25. Thực tập cuối khóa, làm chuyên đề tốt nghiệp hoặc khóa luận tốt nghiệp

2. Quy định về làm chuyên đề tốt nghiệp hoặc khóa luận tốt nghiệp:

- a) Điều kiện để sinh viên được đăng ký làm chuyên đề tốt nghiệp, khóa luận tốt nghiệp:

- * **Điều kiện để được đăng ký làm khóa luận tốt nghiệp**

- Tổng số tín chỉ sinh viên đã tích lũy được kể từ đầu khóa học (điểm ở mức đạt hoặc được miễn học và công nhận tín chỉ) ở mức xếp trình độ năm cuối khóa theo quy định tại khoản 5 Điều 5 của Quy chế này.

- Điểm trung bình chung tích lũy tính đến học kỳ cận cuối khóa đạt từ 2,50 trở lên.

- Đơn vị đào tạo đủ điều kiện về cán bộ hướng dẫn, cơ sở vật chất và số đề tài để làm khóa luận tốt nghiệp của từng ngành.

- * **Điều kiện để được đăng ký làm chuyên đề tốt nghiệp:**

- Sinh viên không làm khóa luận tốt nghiệp hoặc không đủ điều kiện làm khóa luận tốt nghiệp.

- Tổng số tín chỉ sinh viên đã tích lũy được kể từ đầu khóa học (điểm ở mức đạt hoặc được miễn học và công nhận tín chỉ) ở mức xếp trình độ năm cuối khóa theo quy định tại khoản 5 Điều 5 của Quy chế này.

Điều 27. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp

1. Sinh viên được xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

b) Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ trung bình (2,0) trở lên;

3. Hạng tốt nghiệp được xác định căn cứ vào điểm trung bình tích lũy toàn khóa được quy định tại khoản 4 điều 5 của Quy chế này, trong đó, hạng tốt nghiệp của sinh viên có điểm trung bình tích lũy loại **xuất sắc và giỏi** sẽ bị giảm đi một mức nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Khối lượng của các học phần phải học lại vượt quá 5% so với tổng số tín chỉ quy định cho toàn chương trình;

b) Sinh viên đã bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên trong thời gian học.

4. Sinh viên đã hết thời gian học tập tối đa theo quy định nhưng chưa đủ điều kiện tốt nghiệp do chưa hoàn thành những học phần Giáo dục quốc phòng an ninh hoặc Giáo dục thể chất hoặc chưa đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ, công nghệ thông tin, trong thời hạn 03 năm tính từ khi thôi học được hoàn thiện các điều kiện còn thiếu và đề nghị xét công nhận tốt nghiệp.

PHỤ LỤC 1

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG PHẦN MỀM ĐĂNG KÝ TÍN CHỈ

1. Thời gian đăng ký

- **Đăng ký sớm:** Là hình thức đăng ký được thực hiện trước thời điểm bắt đầu học kỳ 01 tháng;

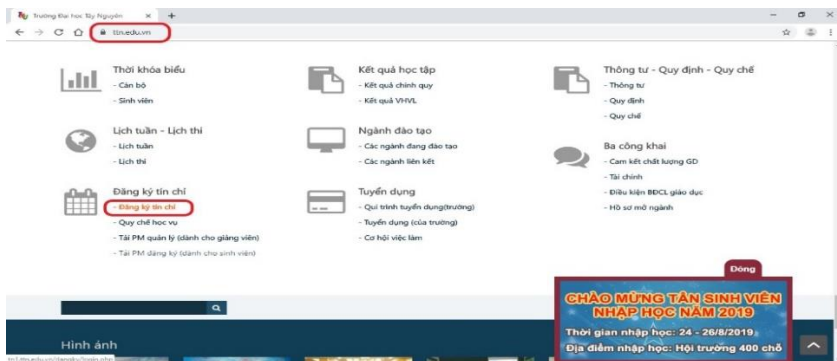
- **Đăng ký bình thường:** Là hình thức đăng ký được thực hiện trước thời điểm bắt đầu học kỳ 02 tuần;

- **Đăng ký muộn:** Là hình thức đăng ký được thực hiện trong 02 tuần đầu của học kỳ chính hoặc trong tuần đầu của học kỳ phụ cho những sinh viên muốn đăng ký học thêm hoặc đăng ký học đổi sang học phần khác khi không có lớp.

Phần mềm đăng ký học phần: Có 3 cách để sinh viên (SV) có thể đăng ký học phần như sau:

2.1. Đăng ký trên website (*chỉ thực hiện trong thời gian đăng ký sớm và đăng ký bình thường*).

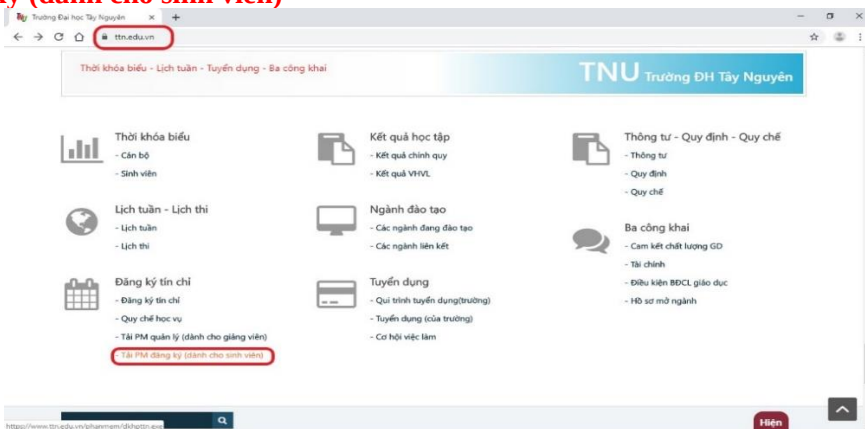
SV vào địa chỉ <https://www.ttn.edu.vn/> kéo xuống cuối trang, chọn Đăng ký tín chỉ

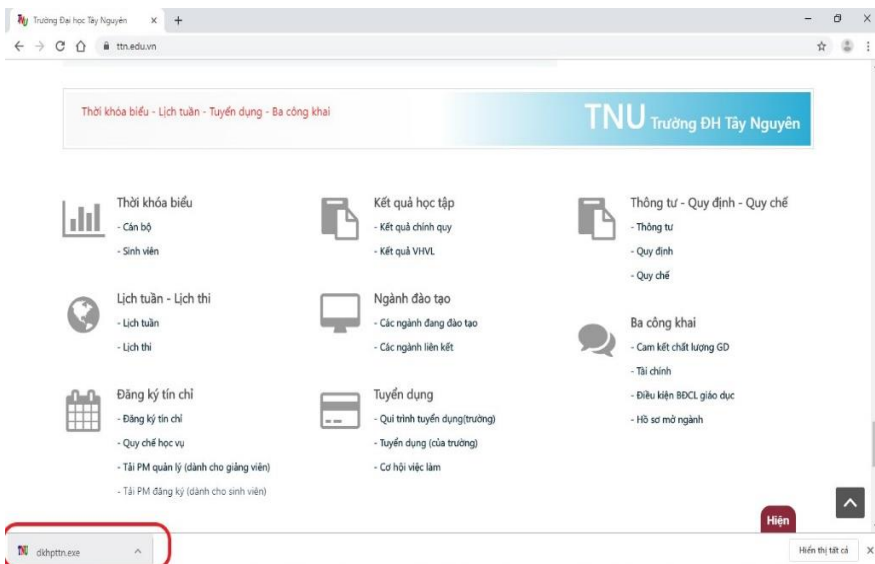


Nhập đầy đủ **Mã sinh viên**, **Ngày tháng năm sinh**, và **Mật khẩu** rồi chọn **Login** để thực hiện đăng ký.

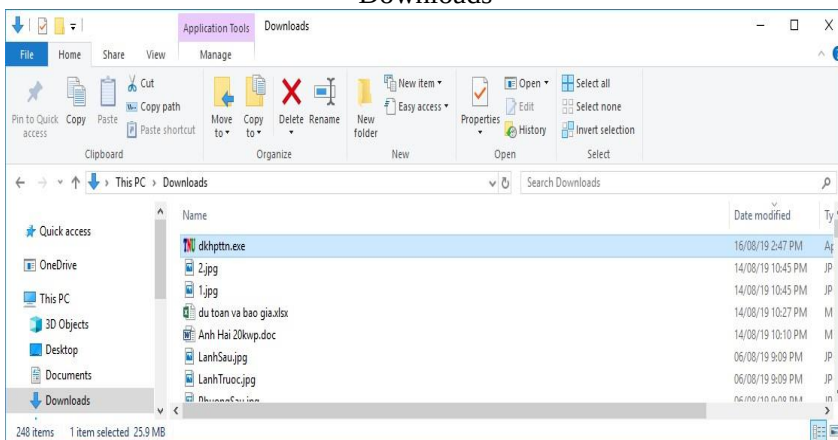
2.2. Tải phần mềm **Đăng ký học phần** và thực hiện đăng ký tại máy tính có kết nối Internet

Cũng vào website Trường, kéo đến cuối trang, chọn **Tải PM đăng ký (dành cho sinh viên)**





Phần mềm Gốc có tên **dkhpttn.exe** sẽ được lấy về trong thư mục Downloads



Có thể chạy trực tiếp hoặc chép vào nơi thuận lợi để thực hiện sau này. Đây chỉ là phần mềm gốc, sẽ làm trung gian nhận biết các phiên bản thay đổi sau này để cập nhật.

SV nhập đầy đủ các nội dung: **Mã sinh viên, Ngày tháng năm sinh và Mật khẩu**. Mật khẩu là chìa khóa cần bảo mật để thao tác trên phần mềm, SV tuyệt đối không cho người khác biết. **SV phải hoàn toàn chịu trách nhiệm nếu để người khác biết mật khẩu của mình.**

Lần đầu đăng nhập hoặc mới Reset mật khẩu thì Mật khẩu=Mã sinh viên, lúc này phần mềm nhận biết được và yêu cầu **phải đổi mật khẩu** thì mới cho thực hiện.

The screenshot shows the software interface for a student. At the top, there's a header with 'Học kỳ: 1', 'Năm học: 2019-2020', and 'Thời gian: 16/08/19 3:19:52 PM'. Below this, there's a login section with fields for 'Mã SV', 'Ngày sinh', and 'Mật khẩu'. A red box highlights the 'Đổi Mật khẩu!' button. To the right, there's a 'Đăng ký học phần' section with a table of courses. A red box highlights the 'OK' button in the password change dialog.

Nhập mật khẩu cũ, nhập mật khẩu mới và xác nhận mật khẩu mới, sau đó nhấn OK để đổi Mật khẩu.

Sau khi đổi mật khẩu thành công, phải nhập lại mật khẩu mới vào ô Mật khẩu rồi chọn Đồng ý để tiếp tục đăng ký.

Sinh viên chỉ thực hiện đăng ký khi còn thời hạn và nhập đúng thông tin.

Nếu nhập sai mật khẩu sẽ không cho thực hiện

The screenshot shows the software interface for a student. At the top, there's a header with 'Học kỳ: 1', 'Năm học: 2019-2020', and 'Thời gian: 16/08/19 3:25:52 PM'. Below this, there's a login section with fields for 'Mã SV', 'Ngày sinh', and 'Mật khẩu'. A red box highlights the 'Mật khẩu sai!' message. To the right, there's a 'Đăng ký học phần' section with a table of courses. A red box highlights the 'Lập lại thông tin đăng ký' button.

Hình sau xác định SV đã nhập đúng thông tin

Chương trình đăng ký học phần theo học chế tín chỉ của sinh viên Trường Đại học Tây Nguyên (Board/D:\DL05C2\CH70266891016\ MAC: 9840BB15A8B5 IP:192.168.2.31 Host:TrungHoi_Dell Uien:Trung Hoi)

Học kỳ: 1 Năm học: 2019-2020 Thời gian: 16/08/19 3:39:54 PM Hương dân sử dụng OFF line

Mã SV: 19107001 Ngày sinh: 14/04/2001 Mật khẩu: *****

Đăng ký học: Ksar Ahi Y khoa K19 A1 Điểm TBCTL: 0 CVHT:

Đăng ký học phần Đăng ký học hệ Kết quả học tập Học phí và lịch thi Thời khóa biểu Đăng ký thi lại Tốt nghiệp Hướng dân Kiosk tra Năng lực: Tổng Admin đầu khóa

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

TT	Mã HP	Tên HP (TC)	Điểm
1	KC211022	Sinh học đại cương(2.0)	
2	KC211027	Tin học đại cương(2.0)	
3	KC211041	Đã tuyển Y học(1.0)	
4	KC211044	Hóa học đại cương(1.0)	
5	MC211020	Ngôn ngữ cơ bản (2.0)	
6	MC211031	Ngôn ngữ cơ bản (2.0)	
7	SP211011	Giáo dục thể chất (1.0)	
8	SP211014	Tâm lý học đại cương(2.0)	
9	TC211029	Tổng Anh (2.0)	
10	KC211008	Lý thuyết y học	
11	MC211005	Tư tưởng Hồ Chí Minh(1.0)	
12	QD211006	Công tác quốc phòng - An ninh(2.0)	
13	QD211007	Quản trị chung, quản trị nhân, K7 (04)	
14	QD211008	Thương mại quốc phòng và an ninh(1.0)	
15	QD211009	Hành luật chung và quốc, hành chính	
16	SP211012	Giáo dục thể chất (2.0)	
17	TC211001	Giáo pháp (1.0)	
18	TC211021	Tổng Anh (2.0)	
19	MC211003	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng	
20	SP211013	Giáo dục thể chất (1.0)	
21	YD212002	Giáo pháp (2.0)	
22	YD212004	Hóa phân tích(4.0)	
23	YD212006	Sinh lý học (3.0)	
24	YD212013	Tâm lý y học - Y đức(1.0)	
25	YD212032	Nhiễm dịch đại cương(2.0)	

Đăng ký học phần học kỳ: 1 Năm học: 2019-2020
 Đăng ký Sớm và Bình thường từ ngày: 08/08/2019 Đến ngày: 17/08/2019
 Đăng ký Muộn từ ngày: 02/08/2019 Đến ngày: 10/08/2019 (Chỉ cho phép THÊM (hoặc BỎT) lớp học phần chưa học)

DANH SÁCH HỌC PHẦN CỐ KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

TT	Mã HP	Tên HP (TC)	Điểm	Lớp	Giảng viên
1	KC211022_97980	Sinh học đại cương (2.0/0.0)	0.130	Y khoa K19 A1 (0)	Nguyễn Thị Thu
2	KC211022_39391	Sinh học đại cương (2.0/0.0)	0.130	Đa phân Sinh học K19 (Chưa)	Tiến Thị Kim Thu
3	KC211022_38127	Sinh học đại cương (2.0/0.0)	3.130	Báo vệ thực vật K19 (Sáng)	Nguyễn Hữu Kim
4	KC211022_38132	Sinh học đại cương (2.0/0.0)	13.130	Khoa học cây trồng K19 (Sáng)	Nguyễn Hữu Kim
5	KC211022_39773	Sinh học đại cương (2.0/0.0)	2.130	CN-Thu y K19 (Chưa)	Nguyễn Thị Thủy
6	KC211022_39183	Sinh học đại cương (2.0/0.0)	2.130	Thu y K19 (Chưa)	Nguyễn Thị Thủy

DANH SÁCH HỌC PHẦN ĐÃ ĐĂNG KÝ

TT	Mã Lớp HP	Tên học phần	Tên lớp	Ngày Insert	Trạng thái	CVHT	Ngày	Chức vụ

Tổng số tín chỉ đăng ký: 0

2.3. Đăng ký bằng phần mềm DangKyHocPhan.Exe tại phòng máy của Trung tâm thông tin: Phần mềm DangKyHocPhan.Exe sẽ được cập nhật trên các máy tính của Trung tâm Thông tin, phần mềm này có giao diện tương tự như phần mềm ĐăngKyHocPhan2018.Exe cài đặt tại nhà, chỉ có khác nhau là phần mềm DangKyHocPhan.Exe chỉ thực hiện trên mạng nội bộ của Nhà trường (Không chạy trên máy tính cá nhân ở nhà).

3. Đăng ký kiểm tra năng lực tiếng Anh đầu khóa.

Đăng ký kiểm tra năng lực tiếng Anh đầu khóa: Tab này chỉ xuất hiện cho các lớp đầu khóa và thời gian còn nằm trong khoản từ ngày **Bắt đầu** đăng ký cho đến **Kết thúc** hiện thị.

Đặc biệt, nút lệnh **Đăng ký** và **Hủy đăng ký** chỉ hoạt động khi nằm trong thời gian cho phép (Trước **Ngày kiểm tra đầu tiên** 3 ngày); Một đợt kiểm tra có thể diễn ra trong nhiều ngày, mỗi ngày có 2 buổi, mỗi buổi chia 2 ca. Thời gian và địa điểm thực sự của SV nằm ở bản bên dưới.

Học kỳ: 1 Năm học: 2019-2020 Thời gian: 20/08/19 9:05:06 AM

Mã SV: Ngày sinh: 14/04/2001 Mật khẩu:

Đăng ký học phần: Đăng ký học tập: Kết quả học tập: Học phí và lịch thi: Thông khóa biểu: Đăng ký thi lại: Tốt nghiệp: Hướng dẫn: Kiểm tra Năng lực Tiếng Anh đầu khóa

Đăng ký Kiểm tra năng lực Tiếng Anh đầu khóa (Thông báo)

KẾ HOẠCH KIỂM TRA NĂNG LỰC TIẾNG ANH ĐẦU KHÓA

ID	Năm	Học kỳ	Cấp độ	Môn học	Cấp độ học	Môn học	Bắt đầu đăng ký	Ngày kiểm tra đầu tiên	Kết thúc kiểm tra	ĐC
1	2019	1	35	13	25	11	10/08/19	14/10/19	0	0

Đăng ký:

Ngày bắt đầu kiểm tra

Thời gian và địa điểm kiểm tra của SV

KẾT QUẢ CHUYỂN ĐIỂM

TT	Lớp học	Tên học phần	Điểm 1	Điểm max	Điểm chđ	Điểm số	Là phụ	Điểm chđ
1	135	135	135	135	135	135	135	135

QUI ĐỊNH QUI ĐỔI ĐIỂM

ID	MãĐoc	MãĐoc	MãNghe	MãNghe	MãTB	TA1	TA2	TA3	TA4
1	35	32	25	25	98	10	10	10	10

Nhấn vào nút **Đăng ký** để đăng ký kiểm tra năng lực tiếng Anh đầu khóa, sẽ xuất hiện hộp thoại xác nhận SV không nhầm, bằng cách xuất một chuỗi 5 số Hexadecimal (Hex), Nếu thật sự cần đăng ký, SV phải nhập đúng nội dung yêu cầu rồi chọn **OK**, nếu **nhập sai** hoặc chọn **Cancel** thì sẽ không thực hiện việc đăng ký.

Nếu thật sự cần đăng ký thì ???

Phải nhập đúng nội dung: C5B89 C5B89

Chương trình đăng ký học phần theo học chế tín chỉ của sinh viên Trường Đại học Tây Nguyên (BoardID: DL055C2/CN70266B0016R/ Mã: 9540BB156AB5 IP:192.168.2.31 Host:TruongHa_Dell User:Truong Ha)

Học kỳ: 1 Năm học: 2019-2020 Thời gian: 19/08/19 9:18:28 AM

Mã SV: Ngày sinh: 14/04/2001 Mật khẩu:

Đăng ký học phần: Đăng ký học tập: Kết quả học tập: Học phí và lịch thi: Thông khóa biểu: Đăng ký thi lại: Tốt nghiệp: Hướng dẫn: Kiểm tra Năng lực Tiếng Anh đầu khóa

Đăng ký Kiểm tra năng lực Tiếng Anh đầu khóa (Thông báo)

KẾ HOẠCH KIỂM TRA NĂNG LỰC TIẾNG ANH ĐẦU KHÓA

ID	Năm	Học kỳ	Cấp độ	Môn học	Cấp độ học	Môn học	Bắt đầu	Ngày kiểm tra	Kết thúc	ĐC
1	2019	1	35	13	25	11	10/08/19	14/10/19	0	0

Đăng ký:

Hủy đăng ký

KẾT QUẢ CHUYỂN ĐIỂM

TT	Lớp học	Tên học phần	Điểm 1	Điểm max	Điểm chđ	Điểm số	Là phụ	Điểm chđ
1	135	135	135	135	135	135	135	135

QUI ĐỊNH QUI ĐỔI ĐIỂM

ID	MãĐoc	MãĐoc	MãNghe	MãNghe	MãTB	TA1	TA2	TA3	TA4
1	35	32	25	25	94	10	10	10	9.5

Nếu đã Đăng ký thành công, SV đổi ý và muốn Hủy đăng ký thì nhấn vào nút **Hủy đăng ký**, hộp thoại xác nhận sẽ xuất hiện và thực hiện tương tự như Đăng ký.

PHỤ LỤC 2
MỘT SỐ VĂN BẰNG, CHỨNG CHỈ DÙNG ĐỂ THAY THẾ CHỨNG
NHẬN NĂNG LỰC TIẾNG ANH THEO KHUNG NĂNG LỰC
NGOẠI NGỮ 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1676/QĐ-ĐHTN-ĐTĐH ngày 19 tháng 8 năm 2019 của Hiệu trưởng trường Đại học Tây Nguyên)

1. Bằng tốt nghiệp Đại học Ngoại ngữ, Sư phạm Ngoại ngữ trở lên

2. Các chứng chỉ Tiếng Anh

Chứng chỉ Trình độ	Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam	CEFR	IELTS	TOEFL	TOEIC	Cambridge Exam	BEC	BULATS
Đại học	Bậc 3	B1	4.5	450 ITP 133 CBT 45 iBT	450	PET	Business Preliminary	40

- Các điểm số nêu trên là điểm số tối thiểu cần đạt được

- Đối với chứng chỉ Tiếng Anh theo khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam và chứng chỉ CEFR: Chỉ công nhận đối với các chứng chỉ được cấp bởi các cơ sở đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép và công nhận.

- Đối với các chứng chỉ IELTS, TOEFL, TOEIC: Chỉ chấp nhận các chứng chỉ còn thời hạn sử dụng (được ghi trên chứng chỉ).

3. Chứng chỉ một số ngoại ngữ khác

Chứng chỉ Trình độ	Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam	Tiếng Nga	Tiếng Pháp	Tiếng Đức	Tiếng Trung	Tiếng Nhật
Đại học	Bậc 3	TRKI 1	DELTA B1 TFC niveau 3	B1 ZD	HSK cấp độ 3	JLPT N4

PHỤ LỤC 3
MỘT SỐ VĂN BẰNG, CHỨNG CHỈ TƯƠNG ĐƯƠNG DÙNG ĐỂ
THAY THẾ CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
CƠ BẢN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1676/QĐ-ĐHTN-ĐTĐH ngày 19 tháng 8 năm 2019 của Hiệu trưởng trường Đại học Tây Nguyên)

1. Bằng tốt nghiệp các ngành thuộc nhóm ngành Máy tính và Công nghệ thông tin hoặc Sư phạm Tin học trình độ từ Trung cấp trở lên.

2. Chứng chỉ Ứng dụng công nghệ thông tin nâng cao.

3. Chứng chỉ Tin học ứng dụng A, B, C do trường Đại học Tây Nguyên cấp trước ngày 10/8/2016.

PHỤ LỤC 4 TRÍCH LỤC QUY ĐỊNH

V/v tổ chức giảng dạy môn học Giáo dục thể chất đối với đào tạo đại học theo học chế tín chỉ của Trường Đại học Tây Nguyên
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1550/QĐ-DHTN-ĐTĐH ngày 02 tháng 8 năm 2019)

Chương trình môn học GDTC có khối lượng 03 tín chỉ, cụ thể:

- **Học phần bắt buộc (01 tín chỉ):** Thể dục CB và Điền kinh.
- **Nhóm học phần tự chọn 1 (01 tín chỉ):** Sinh viên chọn một trong các học phần: Bóng chuyền cơ bản, Bơi lội cơ bản, Cầu lông cơ bản, Bóng bàn cơ bản.
- **Nhóm học phần tự chọn 2 (01 tín chỉ):** Sinh viên chọn một trong các học phần: Teakwondo cơ bản, Thể dục nhịp điệu cơ bản, Bóng đá cơ bản, Bóng rổ cơ bản.

Sinh viên có **sức khỏe hạn chế** (có minh chứng) được học các học phần Cờ vua 1, Cờ vua 2, Cờ vua 3 thay thế cho học phần bắt buộc và 2 học phần tự chọn.

Điều 6. Chương trình GDTC dành cho nhóm sinh viên sức khỏe hạn chế

1. Nguyên tắc chung

Sinh viên thuộc nhóm sức khỏe hạn chế vẫn phải học tập và tích lũy đủ khối lượng học tập môn học GDTC được quy định tại Điều 3.

2. Đối tượng được xem là sinh viên có sức khỏe hạn chế

- Sinh viên bị khuyết tật, dị tật bẩm sinh, bị các bệnh tim mạch không có khả năng vận động với khối lượng và cường độ vận động cao, theo kết luận của Bệnh viện Trường Đại học Tây Nguyên hoặc Bệnh viện tuyến trên.
- Sinh viên không may bị tai nạn, đau ốm bất thường.

3. Thủ tục xét sinh viên sức khỏe hạn chế

Sinh viên có sức khỏe hạn chế nộp đơn đăng ký vào đầu học kỳ và hồ sơ minh chứng sức khỏe hạn chế. Tất cả các giấy tờ trên được nộp trực tiếp cho bộ môn GDTC tổng hợp và báo cáo Hiệu trưởng (thông qua Phòng Đào tạo).

4. Tổ chức học tập

Đầu mỗi học kỳ, Bộ môn GDTC căn cứ vào số liệu thực tế để mở lớp dành cho nhóm sinh viên có sức khỏe yếu ở các tín chỉ bắt buộc và tự chọn được thay thế bằng các học phần Cờ vua 1, Cờ vua 2, Cờ vua 3.

Điều 8. Điều kiện xét công nhận đã hoàn thành chương trình GDTC

1. Sinh viên được xác nhận hoàn thành chương trình môn học GDTC phải đạt đủ các điều kiện sau:

- Đã tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định tại Điều 3 (đạt từ điểm D trở lên);
- Điểm trung bình chung môn học GDTC đạt 2,00 trở lên;

PHỤ LỤC 5
TRÍCH QUY ĐỊNH CẤP CHỨNG CHỈ MÔN HỌC GIÁO DỤC
QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2107/QĐ-ĐHTN ngày 23/10/2020 của
 Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Nguyên)*

*** Môn học Giáo dục quốc phòng – An ninh đối với hệ đại học gồm 04 học phần:**

TT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ
1	QP211011	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	3
2	QP211006	Công tác quốc phòng và an ninh	2
3	QP211012	Quân sự chung	1
4	QP211013	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	2

- Điểm môn học Giáo dục quốc phòng an ninh chỉ được tính khi điểm từng học phần lớn hơn hoặc bằng 5. Đạt 4 học phần được cấp chứng chỉ GDQP.

- Phân loại kết quả học tập môn học:

Điểm số	Xếp loại	Ghi chú
Từ 9 đến 10	Xuất sắc	
Từ 8 đến cận 9	Giỏi	
Từ 7 đến cận 8	Khá	
Từ 5 đến cận 7	Trung bình	
Có ít nhất 1 học phần dưới 5	Không đạt	Chưa hoàn thành môn học

Một số giải thích trong sơ đồ tiến trình đào tạo của các chương trình đào tạo

Mã học phần (Số tín chỉ)
Tên học phần

Ví dụ:

SP211001 (2)
Tiếng việt thực hành

Trong đó:

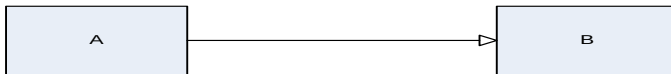
- **SP211001**: Là mã học phần
- **(2)**: Là số tín chỉ của học phần
- **Tiếng Việt thực hành**: Là tên học phần.

- Học phần tiên quyết:



Học phần A phải có kết quả lớn hơn hoặc bằng 4 (điểm D trở lên) thì mới cho đăng ký học học phần B

- Học phần học trước:



Học phần A phải có kết quả lớn hơn hoặc bằng 0 (có thể chưa đạt) thì mới cho đăng ký học học phần B

- Học phần song hành:



Phải đăng ký học học phần A (có thể chưa có kết quả) thì mới cho đăng ký học học phần B

KẾ HOẠCH HỌC TẬP CHUẨN

NGÀNH KINH TẾ NÔNG NGHIỆP

TT	Mã HP	Tên học phần	Tín chỉ				
			Tổng	LT	TH	Bắt buộc	Tự chọn
1	FL211011	Tiếng Anh 1	3	3	0	3	
2	KT212101	Kinh tế vi mô 1	3	3	0	3	
3	KT212202	Kỹ năng mềm	2	2	0	2	
4	NL211702	Pháp luật Việt Nam đại cương	2	2	0	2	
5	KT211001	Địa lý kinh tế Việt Nam	2	2	0		2
6	KT211002	Kinh tế đối ngoại	2	2	0		
7	SP211006	Xã hội học đại cương	2	2	0		2
8	SP211014	Tâm lý học đại cương	2	2	0		
9	SP211032	Thế dục cơ bản và điền kinh	1	0	1		1
10	SP211039	Cờ vua 1	1	0	1		
Tổng kỳ 1						10	5

HỌC KỲ 2

TT	Mã HP	Tên học phần	Tín chỉ				
			Tổng	LT	TH	BB	TC
1	FL211012	Tiếng Anh 2	3	3	0	3	
2	KT212102	Kinh tế vĩ mô 1	3	3	0	3	
3	QP211006	Công tác quốc phòng - An ninh	2	2	0	2	
4	QP211011	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	3	0	3	
5	QP211012	Quân sự chung	1	0.7	0.3	1	
6	QP211013	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	2	0	2	2	
7	KT212510	Soạn thảo văn bản và hợp đồng	2	1.5	0.5		2
8	SP211001	Tiếng Việt thực hành	2	2	0		
9	SP211033	Bóng chuyền cơ bản	1	0	1		1
10	SP211034	Bơi lội cơ bản	1	0	1		
11	SP211035	Cầu lông cơ bản	1	0	1		
12	SP211040	Cờ vua 2	1	0	1		
13	SP211042	Bóng bàn cơ bản	1	0	1		
Tổng kỳ 2						14	3

HỌC KỲ 3

TT	Mã HP	Tên học phần	Tín chỉ				
			Tổng	LT	TH	BB	TC
1	FL211013	Tiếng Anh 3	3	3	0	3	
2	KC211027	Tin học đại cương	2	1	1	2	
3	KT212201	Marketing	3	2.6	0.4	3	
4	KT212502	Nguyên lý thống kê	3	2	1	3	
5	KT213221	Quản trị học	3	3	0	3	
6	ML211030	Triết học Mác - Lênin	3	3	0	3	
7	SP211036	Thể dục nhịp điệu cơ bản	1	0	1		1
8	SP211037	Taekwondo cơ bản	1	0	1		
9	SP211038	Bóng đá cơ bản	1	0	1		
10	SP211041	Cờ vua 3	1	0	1		
11	SP211043	Bóng rổ cơ bản	1	0	1		
Tổng kỳ 3						17	1

HỌC KỲ 4

TT	Mã HP	Tên học phần	Tín chỉ				
			Tổng	LT	TH	BB	TC
1	FL211014	Tiếng Anh 4	3	3	0	3	
2	KC211059	Toán cao cấp cho kinh tế	2	2	0	2	
3	KT212401	Tài chính - tiền tệ	3	3	0	3	
4	KT213122	Thị trường nông sản	2	1.5	0.5	2	
5	KT213151	Kinh tế nông nghiệp	3	2.5	0.5	3	
6	ML211031	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	0	2	
7	NL213570	Trồng trọt đại cương	2	2	0		2
8	TY213356	Chăn nuôi đại cương	2	1.5	0.5		
Tổng kỳ 4						15	2

HỌC KỲ 5

TT	Mã HP	Tên học phần	Tín chỉ				
			Tổng	LT	TH	BB	TC
1	KT212301	Nguyên lý kế toán	3	3	0	3	
2	KT212507	Toán kinh tế	2	2	0	2	
3	KT213133	Kinh tế phát triển	3	2.5	0.5	3	
4	KT213434	Kinh tế lượng	2	1.5	0.5	2	
5	ML211005	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2	2	0	2	
6	NL213706	Pp nghiên cứu khoa học	2	1.5	0.5	2	
7	KT213107	Kinh tế nguồn nhân lực	2	2	0		2
8	KT213245	Quản trị nhân sự	2	2	0		
9	KT213512	Thống kê nông nghiệp	2	1.5	0.5		2
10	KT213513	Thống kê kinh tế	2	1.5	0.5		
Tổng kỳ 5						14	4

HỌC KỲ 6

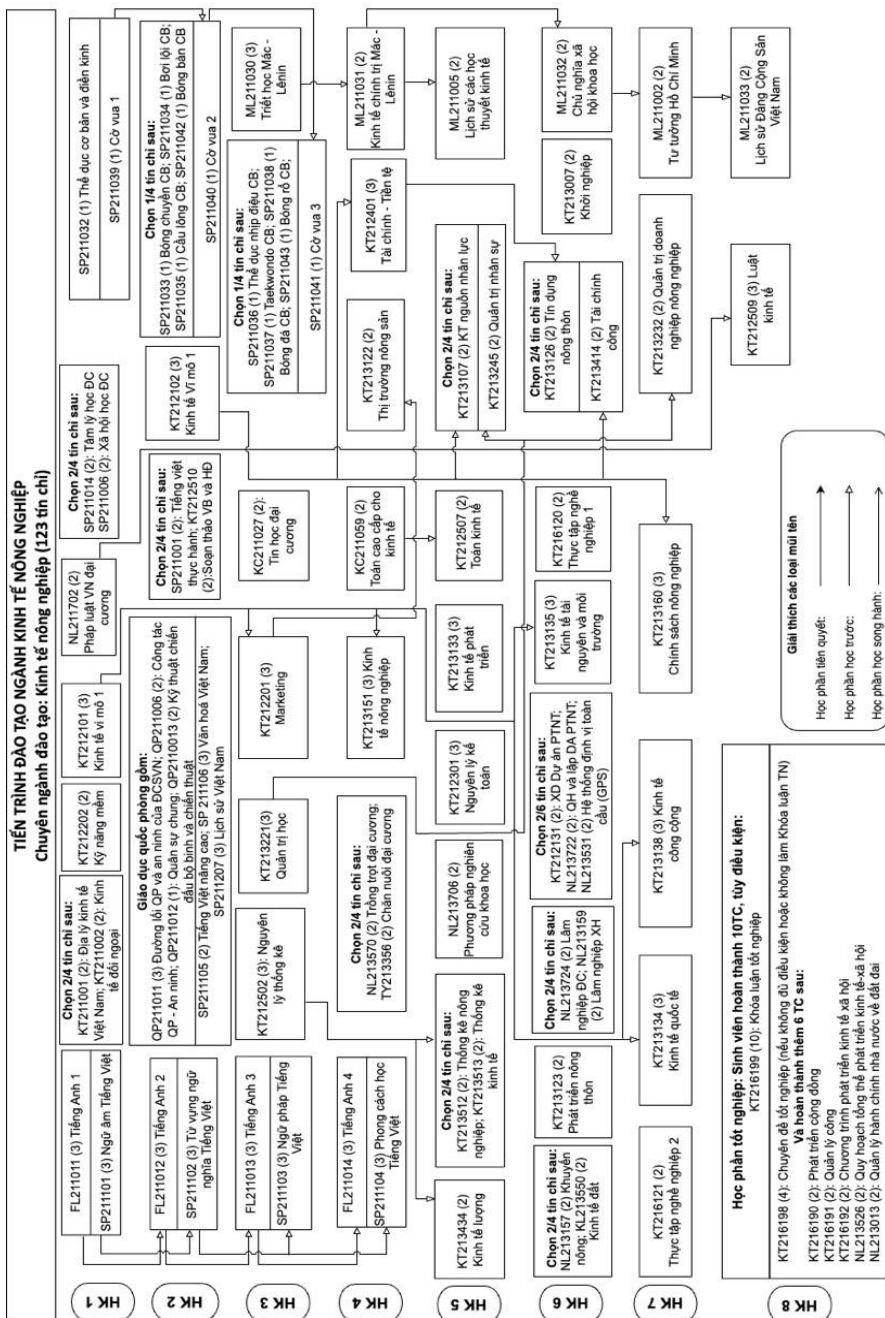
TT	Mã HP	Tên học phần	Tín chỉ				
			Tổng	LT	TH	BB	TC
1	KT213007	Khởi nghiệp	2	1.5	0.5	2	
2	KT213123	Phát triển nông thôn	2	1.5	0.5	2	
3	KT213135	Kinh tế tài nguyên và môi trường	3	3	0	3	
4	KT216120	Thực tập nghề nghiệp 1	2	0	2	2	
5	ML211032	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0	2	
6	KT213121	Xây dựng dự án phát triển nông thôn	2	2	0		2
7	NL213722	Quy hoạch và lập dự án phát triển nông thôn	2	1.5	0.5		
8	NL213531	Hệ thống định vị toàn cầu (GPS)	2	1.5	0.5		
9	NL213159	Lâm nghiệp xã hội	2	2	0		2
10	NL213724	Lâm nghiệp đại cương	2	2	0		
11	NL213550	Kinh tế đất	2	1.5	0.5		2
12	NL213757	Khuyến nông	2	1.5	0.5		
Tổng kỳ 6						11	6

HỌC KỲ 7

TT	Mã HP	Tên học phần	Tín chỉ				
			Tổng	LT	TH	BB	TC
1	KT213134	Kinh tế quốc tế	3	3	0	3	
2	KT213138	Kinh tế công cộng	3	3	0	3	
3	KT213160	Chính sách nông nghiệp	3	3	0	3	
4	KT213232	QT doanh nghiệp nông nghiệp	2	2	0	2	
5	KT216121	Thực tập nghề nghiệp 2	2	0	2	2	
6	ML211002	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	1.5	0.5	2	
7	KT213126	Tín dụng nông thôn	2	2	0		2
8	KT213414	Tài chính công	2	2	0		
Tổng kỳ 7						15	2

HỌC KỲ 8

TT	Mã HP	Tên học phần	Tín chỉ				
			Tổng	LT	TH	BB	TC
1	ML211033	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	1.4	0.6	2	
2	KT212509	Luật kinh tế	3	3	0	3	
3	KT216199	Khóa luận tốt nghiệp	10	0	10		10
4	KT216198	Chuyên đề tốt nghiệp	4	0	4		4
5	KT216190	Phát triển cộng đồng	2	2	0		6
6	KT216191	Quản lý công	2	2	0		
7	KT216192	Chương trình phát triển kinh tế xã hội	2	2	0		
8	NL213526	Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội	2	1.5	0.5		
9	NL213013	Quản lý hành chính nhà nước về đất đai	2	1.5	0.5		
Tổng kỳ 8						5	10



NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH

HỌC KỲ 1

TT	Mã HP	Tên học phần	Tín chỉ				
			Tổng	LT	TH	B B	TC
1	FL211011	Tiếng Anh 1	3	3	0	3	
2	KC211027	Tin học đại cương	2	1	1	2	
3	KT212101	Kinh tế vi mô 1	3	3	0	3	
4	KT212202	Kỹ năng mềm	2	2	0	2	
5	NL211702	Pháp luật Việt Nam đại cương	2	2	0	2	
6	SP211006	Xã hội học đại cương	2	2	0		2
7	SP211014	Tâm lý học đại cương	2	2	0		
8	SP211032	Thế dục cơ bản và điền kinh	1	0	1		1
9	SP211039	Cờ vua 1	1	0	1		
Tổng kỳ 1						12	3

HỌC KỲ 2

TT	Mã HP	Tên học phần	Tín chỉ				
			Tổng	LT	TH	BB	TC
1	FL211012	Tiếng Anh 2	3	3	0	3	
2	KC211059	Toán cao cấp cho kinh tế	2	2	0	2	
3	KT212102	Kinh tế vĩ mô 1	3	3	0	3	
4	ML211030	Triết học Mác - Lênin	3	3	0	3	
5	QP211006	Công tác quốc phòng - An ninh	2	2	0	2	
6	QP211011	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản VN	3	3	0	3	
7	QP211012	Quân sự chung	1	0,7	0,3	1	
8	QP211013	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	2	0	2	2	
9	SP211033	Bóng chuyền cơ bản	1	0	1		1
10	SP211034	Bơi lội cơ bản	1	0	1		
11	SP211035	Cầu lông cơ bản	1	0	1		
12	SP211040	Cờ vua 2	1	0	1		
13	SP211042	Bóng bàn cơ bản	1	0	1		
Tổng kỳ 2						19	1

HỌC KỲ 3

TT	Mã HP	Tên học phần	Tín chỉ				
			Tổng	LT	TH	BB	TC
1	FL211013	Tiếng Anh 3	3	3	0	3	
2	KT212502	Nguyên lý thống kê	3	2	1	3	
3	KT213221	Quản trị học	3	3	0	3	
4	KT213412	Thị trường chứng khoán	2	1.6	0.4	2	
5	ML211031	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	0	2	
6	NL213706	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	1,5	0,5	2	
7	KT212510	Soạn thảo văn bản và họp đồng	2	1,5	0,5		2
8	SP211001	Tiếng Việt thực hành	2	2	0		
9	SP211036	Thể dục nhịp điệu cơ bản	1	0	1		
10	SP211037	Taekwondo cơ bản	1	0	1		
11	SP211038	Bóng đá cơ bản	1	0	1		1
12	SP211041	Cờ vua 3	1	0	1		
13	SP211043	Bóng rổ cơ bản	1	0	1		
Tổng kỳ 3						15	3

HỌC KỲ 4

TT	Mã HP	Tên học phần	Tín chỉ				
			Tổng	LT	TH	BB	TC
1	FL211014	Tiếng Anh 4	3	3	0	3	
2	KT212201	Marketing	3	2.6	0.4	3	
3	KT212301	Nguyên lý kế toán	3	3	0	3	
4	KT212401	Tài chính - tiền tệ	3	3	0	3	
5	KT212509	Luật kinh tế	3	3	0	3	
6	ML211032	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0	2	
7	KT213248	Hành vi tổ chức	2	2	0		2
8	KT213701	Hành vi khách hàng	2	2	0		
Tổng kỳ 4						17	2

HỌC KỲ 5

TT	Mã HP	Tên học phần	Tín chỉ				
			Tổng	LT	TH	BB	TC
1	KT213007	Khởi nghiệp	2	1,5	0,5	2	
2	KT213204	Quản trị nhân sự	3	3	0	3	
3	KT213206	Quản trị doanh nghiệp	3	3	0	3	
4	KT213217	Quản trị dự án đầu tư	2	2	0	2	
5	KT213244	Tiếng Anh kinh doanh	2	2	0	2	
6	KT213304	Kế toán quản trị	3	3	0	3	
7	ML211002	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	1,5	0,5	2	
Tổng kỳ 5						17	0

HỌC KỲ 6

TT	Mã HP	Tên học phần	Tín chỉ				
			Tổng	LT	TH	BB	TC
1	KT213207	Quản trị marketing	2	1,6	0,4	2	
2	KT213209	Quản trị chất lượng	2	2	0	2	
3	KT213216	Tâm lý học quản trị kinh doanh	2	2	0	2	
4	KT213239	Quản trị kinh doanh du lịch và lữ hành	2	2	0	2	
5	KT213247	Quản trị sản xuất và tác nghiệp	2	2	0	2	
6	ML211005	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2	2	0	2	
7	ML211033	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	1,4	0,6	2	
8	KT213210	Quản trị rủi ro	2	2	0		2
9	KT213211	Bảo hiểm doanh nghiệp	2	2	0		
10	KT213231	Giao dịch và đàm phán kinh doanh	2	2	0		2
11	KT213231	Giao tiếp kinh doanh	2	2	0		
Tổng kỳ 6						14	4

HỌC KỲ 7

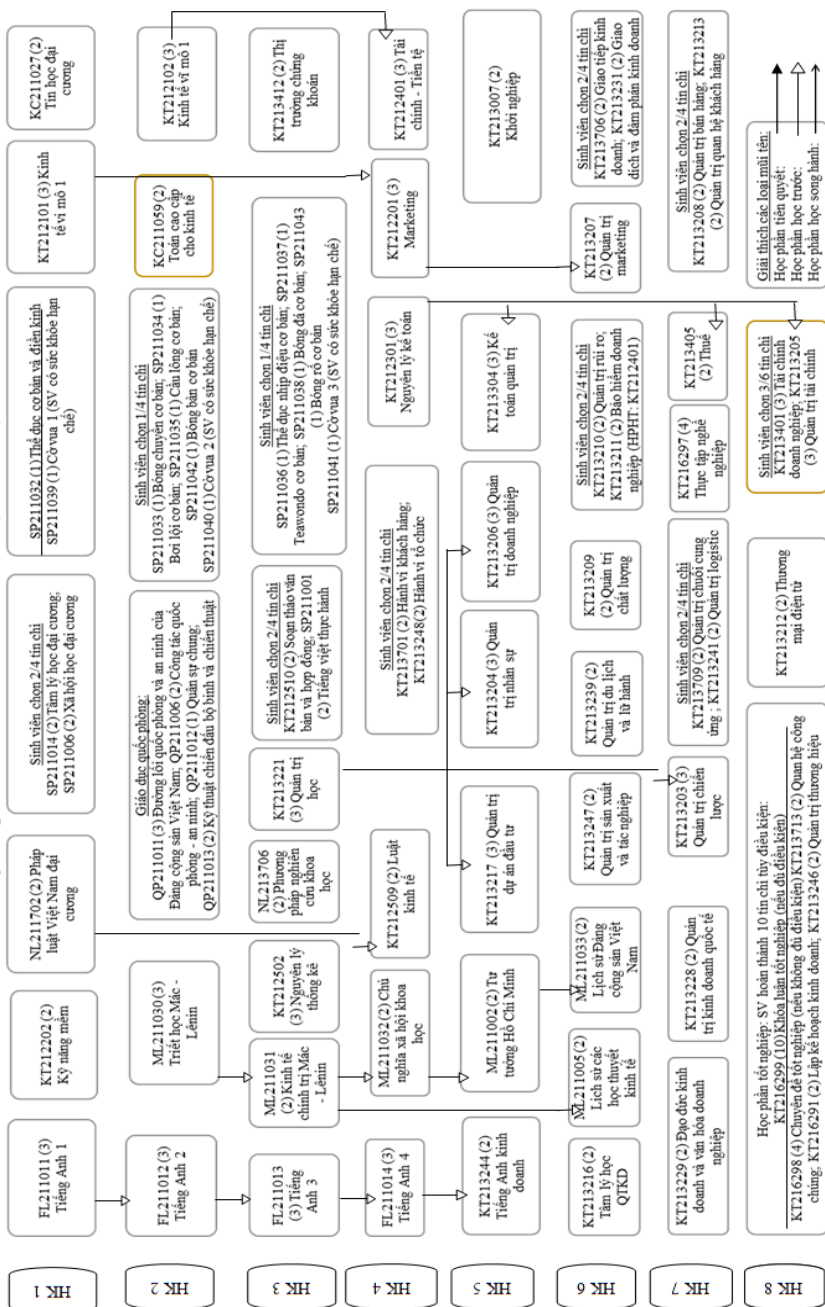
TT	Mã HP	Tên học phần	Tín chỉ				
			Tổng	LT	TH	BB	TC
1	KT213203	Quản trị chiến lược	3	3	0	3	
2	KT213228	Quản trị kinh doanh quốc tế	2	2	0	2	
3	KT213229	Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp	2	2	0	2	
4	KT213405	Thuế	2	1.6	0.4	2	
5	KT216297	Thực tập nghề nghiệp	4	0	4	4	
6	KT213208	Quản trị bán hàng	2	2	0		2
7	KT213213	Quản trị quan hệ khách hàng	2	2	0		
8	KT213241	Quản trị logistic	2	2	0		2
9	KT213709	Quản trị chuỗi cung ứng	2	2	0		
Tổng kỳ 7						13	4

HỌC KỲ 8

TT	Mã HP	Tên học phần	Tín chỉ				
			Tổng	LT	TH	BB	TC
1	KT213212	Thương mại điện tử	2	2	0	2	
2	KT213401	Tài chính doanh nghiệp	3	3	0		3
3	KT213205	Quản trị tài chính	3	3	0		
4	KT216299	Khóa luận tốt nghiệp	10	0	10		10
5	KT216198	Chuyên đề tốt nghiệp	4	0	4		
6	KT213713	Quan hệ công chúng	2	2	0		
7	KT216291	Lập kế hoạch kinh doanh	2	2	0		
8	KT213246	Quản trị thương hiệu	2	2	0		
Tổng kỳ 8						2	13

TIẾN TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH

Chuyên ngành đào tạo: Quản trị kinh doanh (128 tín chỉ)



NGÀNH KẾ TOÁN

HỌC KỲ 1

TT	Mã HP	Tên học phần	Tín chỉ				
			Tổng	LT	TH	BB	TC
1	FL211011	Tiếng Anh 1	3	3	0	3	
2	KT212101	Kinh tế vi mô 1	3	3	0	3	
3	KT212202	Kỹ năng mềm	2	2	0	2	
4	NL211702	Pháp luật Việt Nam đại cương	2	2	0	2	
5	KT212510	Soạn thảo văn bản và hợp đồng	2	1,5	0,5		2
6	SP211001	Tiếng Việt thực hành	2	2	0		
7	SP211006	Xã hội học đại cương	2	2	0		2
8	SP211014	Tâm lý học đại cương	2	2	0		
9	SP211032	Thế dục cơ bản và điền kinh	1	0	1		1
10	SP211039	Cờ vua 1	1	0	1		
Tổng kỳ 1						10	5

HỌC KỲ 2

TT	Mã HP	Tên học phần	Tín chỉ				
			Tổng	LT	TH	BB	TC
1	FL211012	Tiếng Anh 2	3	3	0	3	
2	KT212102	Kinh tế vĩ mô 1	3	3	0	3	
3	KT212502	Nguyên lý thống kê	3	2	1	3	
4	KT212509	Luật kinh tế	3	3	0	3	
5	QP211006	Công tác quốc phòng - An ninh	2	2	0	2	
6	QP211011	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	3	0	3	
7	QP211012	Quân sự chung	1	0,7	0,3	1	
8	QP211013	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	2	0	2	2	
9	SP211033	Bóng chuyền cơ bản	1	0	1		1
10	SP211034	Bơi lội cơ bản	1	0	1		
11	SP211035	Cầu lông cơ bản	1	0	1		
12	SP211040	Cờ vua 2	1	0	1		
Tổng kỳ 2						20	1

HỌC KỲ 3

TT	Mã HP	Tên học phần	Tín chỉ				
			Tổng	LT	TH	BB	TC
1	FL211013	Tiếng Anh 3	3	3	0	3	
2	KC211027	Tin học đại cương	2	1	1	2	
3	KC211059	Toán cao cấp cho kinh tế	2	2	0	2	
4	KT212301	Nguyên lý kế toán	3	3	0	3	
5	KT212401	Tài chính - tiền tệ	3	3	0	3	
6	ML211030	Triết học Mác - Lênin	3	3	0	3	
7	NL213706	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	1,5	0,5	2	
8	SP211036	Thể dục nhịp điệu cơ bản	1	0	1		1
9	SP211037	Taekwondo cơ bản	1	0	1		
10	SP211038	Bóng đá cơ bản	1	0	1		
11	SP211041	Cờ vua 3	1	0	1		
12	SP211043	Bóng rổ cơ bản	1	0	1		
Tổng kỳ 3						18	1

HỌC KỲ 4

TT	Mã HP	Tên học phần	Tín chỉ				
			Tổng	LT	TH	BB	TC
1	FL211014	Tiếng Anh 4	3	3	0	3	
2	KT213221	Quản trị học	3	3	0	3	
3	KT213305	Lý thuyết kiểm toán	3	3	0	3	
4	KT213331	Kế toán tài chính 1	3	3	0	3	
5	KT213401	Tài chính doanh nghiệp	3	3	0	3	
6	ML211031	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	0	2	
7	KT212507	Toán kinh tế	2	2	0		2
8	KT213412	Thị trường chứng khoán	2	1.6	0.4		
9	KT213414	Tài chính công	2	2	0		
Tổng kỳ 4						16	2

HỌC KỲ 5

TT	Mã HP	Tên học phần	Tín chỉ				
			Tổng	LT	TH	BB	TC
1	KT212201	Marketing	3	2.6	0.4	3	
2	KT213005	Pháp luật kế toán	3	3	0	3	
3	KT213007	Khởi nghiệp	2	1,5	0,5	2	
4	KT213303	Kế toán tài chính 2	3	3	0	3	
5	KT213306	Kế toán quốc tế	3	3	0	3	
6	ML211032	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0	2	
7	KT213318	Hệ thống thông tin kế toán	2	2	0		2
8	KT213340	Kế toán thương mại dịch vụ	2	2	0		
Tổng kỳ 5						16	2

HỌC KỲ 6

TT	Mã HP	Tên học phần	Tín chỉ				
			Tổng	LT	TH	BB	TC
1	KT213011	Kế toán thực hành trên Excel	2	0,5	1,5	2	
2	KT213304	Kế toán quản trị	3	3	0	3	
3	KT213307	Kế toán máy	3	2	1	3	
4	KT213314	Kiểm toán	3	3	0	3	
5	KT213405	Thuế	2	1.6	0.4	2	
6	ML211002	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	1,5	0,5	2	
7	ML211005	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2	2	0	2	
8	KT213312	Kế toán kho bạc	2	2	0		2
9	KT216317	Kế toán chi phí	2	2	0		
Tổng kỳ 6						16	2

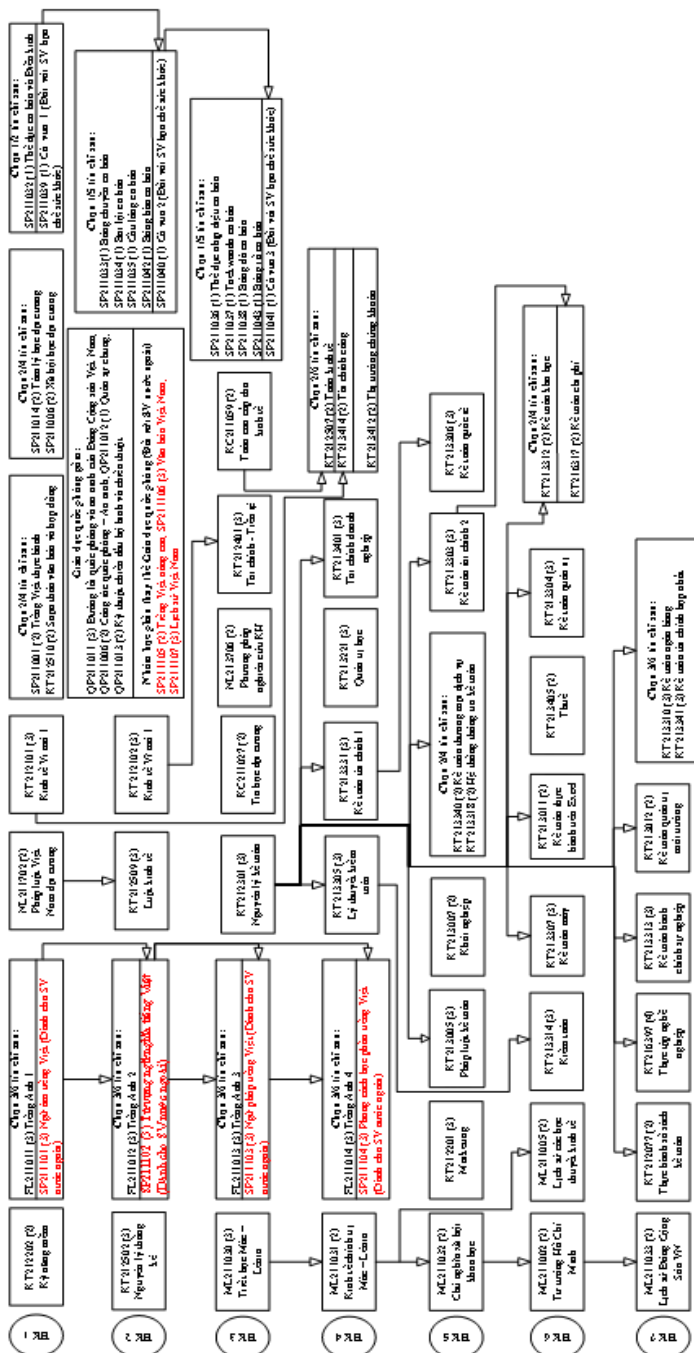
HỌC KỲ 7

TT	Mã HP	Tên học phần	Tín chỉ				
			Tổng	LT	TH	BB	TC
1	KT212077	Thực hành sổ sách kế toán	2	1	1	2	
2	KT213012	Kế toán quản trị môi trường	2	2	0	2	
3	KT213313	Kế toán hành chính sự nghiệp	3	3	0	3	
4	KT216397	Thực tập nghề nghiệp	4	0	4	4	
5	ML211033	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	1,4	0,6	2	
6	KT213310	Kế toán ngân hàng	3	3	0		2
7	KT213341	Kế toán tài chính hợp nhất	3	3	0		
Tổng kỳ 7						13	2

HỌC KỲ 8

TT	Mã HP	Tên học phần	Tín chỉ				
			Tổng	LT	TH	BB	TC
1	KT216399	Khóa luận tốt nghiệp	10	0	10		10
2	KT216398	Chuyên đề tốt nghiệp	4	0	4		10
3	KT213006	Kiểm toán báo cáo tài chính	2	2	0		
4	KT216390	Tổ chức công tác kế toán	2	2	0		
5	KT216391	Kế toán thuế	2	2	0		
Tổng kỳ 8						0	10

TIẾN TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH KẾ TOÁN
Chuyên ngành đào tạo: Kế toán 126 tín chỉ



Գրի և լի՛վ ժա՛նքը քա՛ղիկս:
 Կի՛ցք թնձո՛ւն զա՛ղի:
 Կի՛ցք թնձո՛ւն երա՛նդ:
 Կի՛ցք թնձո՛ւն շա՛ղկա՛ռ:

Bảng chi trả người khác mua hàng 10 TQ, từ địa địa	Nợ từ địa địa	Nợ từ người khác mua hàng 10 TQ, từ địa địa
KT216399 (10) Khai luận chi, người	KT216398 (0) Chi phí 66 TV	KT216397 (0) Từ chi phí 66 TV
	KT216396 (0) Chi phí 66 TV	KT216395 (0) Chi phí 66 TV
	KT216394 (0) Chi phí 66 TV	KT216393 (0) Chi phí 66 TV
	KT216392 (0) Chi phí 66 TV	KT216391 (0) Chi phí 66 TV
	KT216390 (0) Chi phí 66 TV	KT216389 (0) Chi phí 66 TV

NGÀNH KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

HỌC KỲ 1

TT	Mã HP	Tên học phần	Tín chỉ				
			Tổng	LT	TH	BB	TC
1	FL211011	Tiếng Anh 1	3	3	0	3	
2	KT212101	Kinh tế vi mô 1	3	3	0	3	
3	KT212202	Kỹ năng mềm	2	2	0	2	
4	NL211702	Pháp luật Việt Nam đại cương	2	2	0	2	
5	KT212510	Soạn thảo văn bản và hợp đồng	2	1,5	0,5		2
6	SP211001	Tiếng Việt thực hành	2	2	0		
7	SP211006	Xã hội học đại cương	2	2	0		2
8	SP211014	Tâm lý học đại cương	2	2	0		
9	SP211032	Thế dục cơ bản và điền kinh	1	0	1		1
10	SP211039	Cờ vua 1	1	0	1		
Tổng kỳ 1						10	5

HỌC KỲ 2

TT	Mã HP	Tên học phần	Tín chỉ				
			Tổng	LT	TH	BB	TC
1	FL211012	Tiếng Anh 2	3	3	0	3	
2	KT212102	Kinh tế vi mô 1	3	3	0	3	
3	KT212502	Nguyên lý thống kê	3	2	1	3	
4	KT212509	Luật kinh tế	3	3	0	3	
5	QP211006	Công tác quốc phòng - An ninh	2	2	0	2	
6	QP211011	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	3	0	3	
7	QP211012	Quân sự chung	1	0,7	0,3	1	
8	QP211013	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	2	0	2	2	
9	SP211033	Bóng chuyền cơ bản	1	0	1		1
10	SP211034	Bơi lội cơ bản	1	0	1		
11	SP211035	Cầu lông cơ bản	1	0	1		
12	SP211040	Cờ vua 2	1	0	1		
13	SP211042	Bóng bàn cơ bản	1	0	1		
Tổng kỳ 2						20	1

HỌC KỲ 3

TT	Mã HP	Tên học phần	Tín chỉ				
			Tổng	LT	TH	BB	TC
1	FL211013	Tiếng Anh 3	3	3	0	3	
2	KC211059	Toán cao cấp cho kinh tế	2	2	0	2	
3	KT212301	Nguyên lý kế toán	3	3	0	3	
4	KT212401	Tài chính - tiền tệ	3	3	0	3	
5	KT213221	Quản trị học	3	3	0	3	
6	ML211030	Triết học Mác - Lênin	3	3	0	3	
7	SP211036	Thể dục nhịp điệu cơ bản	1	0	1		1
8	SP211037	Taekwondo cơ bản	1	0	1		
9	SP211038	Bóng đá cơ bản	1	0	1		
10	SP211041	Cờ vua 3	1	0	1		
11	SP211043	Bóng rổ cơ bản	1	0	1		
Tổng kỳ 3						17	1

HỌC KỲ 4

TT	Mã HP	Tên học phần	Tín chỉ				
			Tổng	LT	TH	BB	TC
1	FL211014	Tiếng Anh 4	3	3	0	3	
2	KC211027	Tin học đại cương	2	1	1	2	
3	KT212201	Marketing	3	2.6	0.4	3	
4	KT213305	Lý thuyết kiểm toán	3	3	0	3	
5	KT213331	Kế toán tài chính 1	3	3	0	3	
6	ML21103 1	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	0	2	
7	NL213706	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	1,5	0,5	2	
Tổng kỳ 4						18	0

HỌC KỲ 5

TT	Mã HP	Tên học phần	Tín chỉ				
			Tổng	LT	TH	BB	TC
1	KT213001	Kiểm toán 1	3	3	0	3	
2	KT213005	Pháp luật kế toán	3	3	0	3	
3	KT213007	Khởi nghiệp	2	1,5	0,5	2	
4	KT213303	Kế toán tài chính 2	3	3	0	3	
5	KT213304	Kế toán quản trị	3	3	0	3	
6	KT213313	Kế toán hành chính sự nghiệp	3	3	0	3	
7	ML211032	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0	2	
Tổng kỳ 5						19	0

HỌC KỲ 6

TT	Mã HP	Tên học phần	Tín chỉ				
			Tổng	LT	TH	BB	TC
1	KT212077	Thực hành sổ sách kế toán	2	1	1	2	
2	KT213002	Kiểm toán 2	3	3	0	3	
3	KT213306	Kế toán quốc tế	3	3	0	3	
4	KT213307	Kế toán máy	3	2	1	3	
5	KT213405	Thuế	2	1,6	0,4	2	
6	ML211002	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	1,5	0,5	2	
7	ML211005	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2	2	0	2	
8	KT213310	Kế toán ngân hàng	3	3	0		3
9	KT213341	Kế toán tài chính hợp nhất	3	3	0		
10	KT213401	Tài chính doanh nghiệp	3	3	0		
Tổng kỳ 6						17	3

HỌC KỲ 7

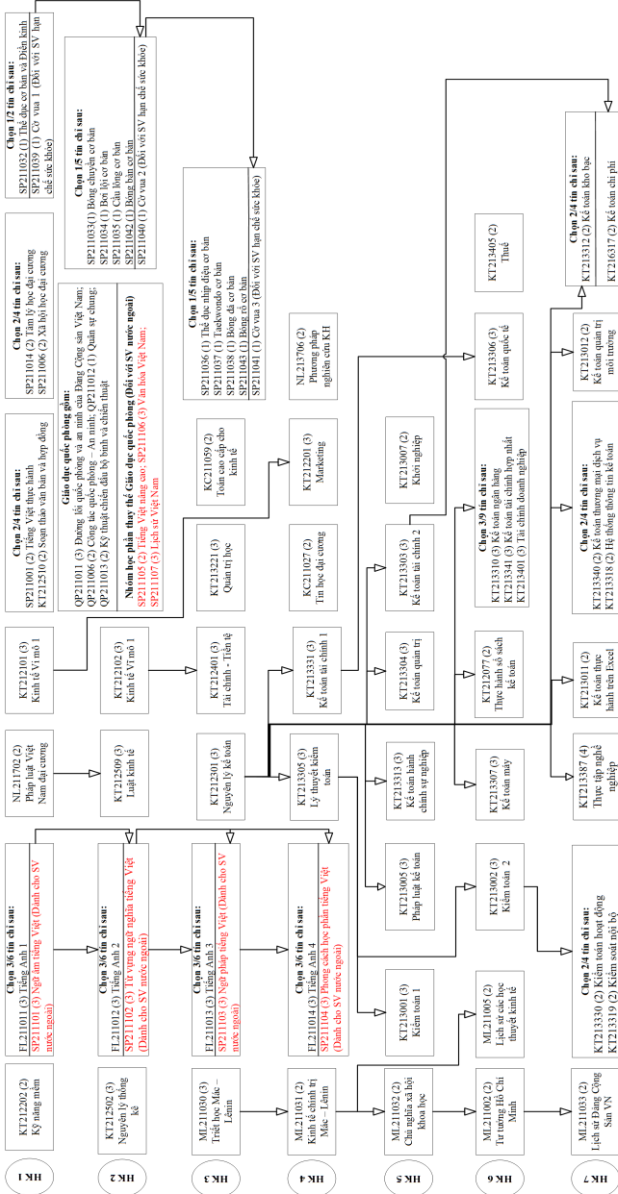
TT	Mã HP	Tên học phần	Tín chỉ				
			Tổng	LT	TH	BB	TC
1	KT213011	Kế toán thực hành trên Excel	2	0,5	1,5	2	
2	KT213012	Kế toán quản trị môi trường	2	2	0	2	
3	KT213387	Thực tập nghề nghiệp	4	0	4	4	
4	ML211033	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	1,4	0,6	2	
5	KT213312	Kế toán kho bạc	2	2	0		2
6	KT216317	Kế toán chi phí	2	2	0		
7	KT213318	Hệ thống thông tin kế toán	2	2	0		2
8	KT213340	Kế toán thương mại dịch vụ	2	2	0		
9	KT213319	Kiểm soát nội bộ	2	2	0		2
10	KT213330	Kiểm toán hoạt động	2	2	0		
<i>Tổng kỳ 7</i>						10	6

HỌC KỲ 8

TT	Mã HP	Tên học phần	Tín chỉ				
			Tổng	LT	TH	BB	TC
1	KT216399	Khóa luận tốt nghiệp	10	0	10		10
2	KT216398	Chuyên đề tốt nghiệp	4	0	4		
3	KT216390	Tổ chức công tác kế toán	2	2	0		
4	KT216391	Kế toán thuế	2	2	0		
5	KT213006	Kiểm toán báo cáo tài chính	2	2	0		
<i>Tổng kỳ 8</i>						0	10

TIẾN TRÌNH ĐẠO TẠO NGÀNH KẾ TOÁN

Chuyên ngành đào tạo: Kế toán - Kiểm toán 126 tín chỉ



Giải thích các loại mũi tên:

↑ Học phần bắt buộc

↑ Học phần học nước ngoài

↑ Học phần học nước ngoài

Học phần từ nghiệp vụ: Sinh viên hoàn thành 10 TC, tự điền kiện	
Nền đại diện	Nền không đại diện hoặc không làm kinh doanh
KT216098 (4) Chuyên đề TN	
KT216099 (2) Tài chính công tác kế toán	
Khoản luận từ nghiệp vụ	
KT219006 (2) Kế toán thuế của tài chính	

NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG

HỌC KỲ 1

TT	Mã HP	Tên học phần	Tín chỉ				
			Tổng	LT	TH	BB	TC
1	FL211011	Tiếng Anh 1	3	3	0	3	
2	KC211027	Tin học đại cương	2	1	1	2	
3	KT212101	Kinh tế vi mô 1	3	3	0	3	
4	KT212202	Kỹ năng mềm	2	2	0	2	
5	ML211030	Triết học Mác - Lênin	3	3	0	3	
6	SP211006	Xã hội học đại cương	2	2	0		2
7	SP211014	Tâm lý học đại cương	2	2	0		
8	SP211032	Thế dục cơ bản và điền kinh	1	0	1		1
9	SP211039	Cờ vua 1	1	0	1		
Tổng kỳ 1						13	3

HỌC KỲ 2

TT	Mã HP	Tên học phần	Tín chỉ				
			Tổng	LT	TH	BB	TC
1	FL211012	Tiếng Anh 2	3	3	0	3	
2	KT212102	Kinh tế vĩ mô 1	3	3	0	3	
3	QP211006	Công tác quốc phòng - An ninh	2	2	0	2	
4	QP211011	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	3	0	3	
5	QP211012	Quân sự chung	1	0,7	0,3	1	
6	QP211013	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	2	0	2	2	
7	KT212510	Soạn thảo văn bản và hợp đồng	2	1,5	0,5		2
8	SP211001	Tiếng Việt thực hành	2	2	0		
9	SP211033	Bóng chuyền cơ bản	1	0	1		1
10	SP211034	Bơi lội cơ bản	1	0	1		
11	SP211035	Cầu lông cơ bản	1	0	1		
12	SP211040	Cờ vua 2	1	0	1		
13	SP211042	Bóng bàn cơ bản	1	0	1		
Tổng kỳ 2						16	3

HỌC KỲ 3

TT	Mã HP	Tên học phần	Tín chỉ				
			Tổng	LT	TH	BB	TC
1	FL211013	Tiếng Anh 3	3	3	0	3	
2	KC211059	Toán cao cấp cho kinh tế	2	2	0	2	
3	KT212201	Marketing	3	2,6	0,4	3	
4	KT212301	Nguyên lý kế toán	3	3	0	3	
5	KT212401	Tài chính - tiền tệ	3	3	0	3	
6	ML211031	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	0	2	
7	NL211702	Pháp luật Việt Nam đại cương	2	2	0	2	
8	SP211036	Thể dục nhịp điệu cơ bản	1	0	1		1
9	SP211037	Taekwondo cơ bản	1	0	1		
10	SP211038	Bóng đá cơ bản	1	0	1		
11	SP211041	Cờ vua 3	1	0	1		
12	SP211043	Bóng rổ cơ bản	1	0	1		
Tổng kỳ 3						18	1

HỌC KỲ 4

TT	Mã HP	Tên học phần	Tín chỉ				
			Tổng	LT	TH	BB	TC
1	FL211014	Tiếng Anh 4	3	3	0	3	
2	KT212502	Nguyên lý thống kê	3	2	1	3	
3	KT213221	Quản trị học	3	3	0	3	
4	KT213405	Thuế	2	1,6	0,4	2	
5	KT213431	Toán tài chính	2	2	0	2	
6	ML211032	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0	2	
7	NL213706	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	1,5	0,5	2	
8	KT213313	Kế toán hành chính sự nghiệp	3	3	0		3
9	KT213315	Kế toán doanh nghiệp	3	3	0		
Tổng kỳ 4						17	3

HỌC KỲ 5

TT	Mã HP	Tên học phần	Tín chỉ				
			Tổng	LT	TH	BB	TC
1	KT212509	Luật kinh tế	3	3	0	3	
2	KT213007	Khởi nghiệp	2	1,5	0,5	2	
3	KT213402	Tài chính doanh nghiệp 1	3	3	0	3	
4	KT213409	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại 1	3	3	0	3	
5	KT213437	Tiếng anh chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng	2	2	0	2	
6	KT213229	Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp	2	2	0		2
7	KT213404	Tiền tệ ngân hàng	2	2	0		
8	KT213436	Luật ngân hàng	2	2	0		
9	KT213412	Thị trường chứng khoán	2	1.6	0.4		2
10	KT213423	Thị trường tài chính	2	2	0		
Tổng kỳ 5						13	4

HỌC KỲ 6

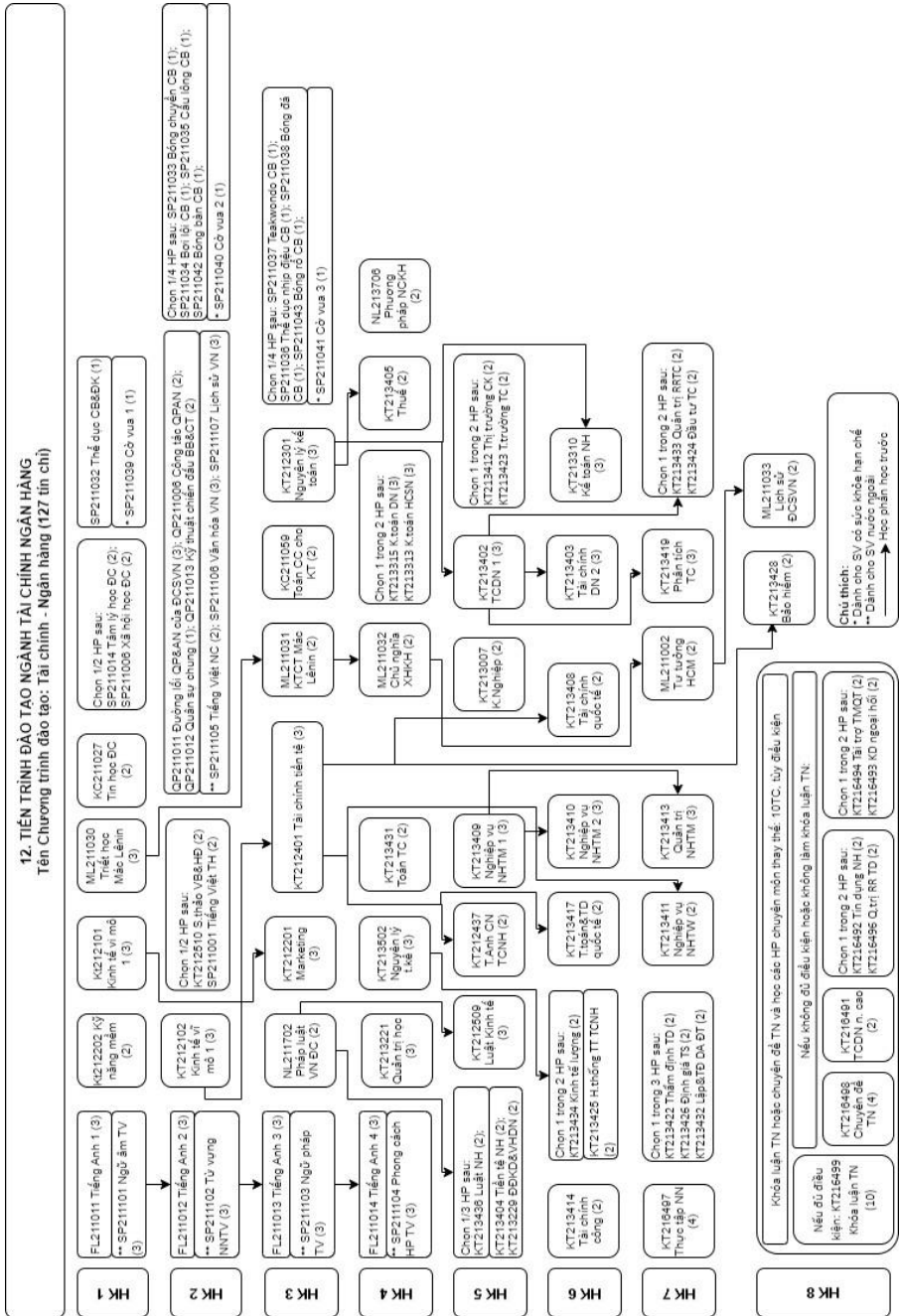
TT	Mã HP	Tên học phần	Tín chỉ				
			Tổng	LT	TH	BB	TC
1	KT213310	Kế toán ngân hàng	3	3	0	3	
2	KT213403	Tài chính doanh nghiệp 2	3	3	0	3	
3	KT213408	Tài chính quốc tế	2	2	0	2	
4	KT213410	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại 2	3	3	0	3	
5	KT213414	Tài chính công	2	2	0	2	
6	KT213417	Thanh toán và tín dụng quốc tế	2	2	0	2	
7	KT213425	Hệ thống thông tin tài chính ngân hàng	2	1.6	0.4		2
8	KT213434	Kinh tế lượng	2	1,5	0,5		
Tổng kỳ 6						15	2

HỌC KỲ 7

TT	Mã HP	Tên học phần	Tín chỉ				
			Tổng	LT	TH	BB	TC
1	KT213411	Nghiệp vụ ngân hàng trung ương	2	2	0	2	
2	KT213413	Quản trị ngân hàng thương mại	3	2.6	0.4	3	
3	KT213429	Phân tích tài chính	3	2	1	3	
4	KT216497	Thực tập nghề nghiệp	4	0	4	4	
5	ML211002	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	1,5	0,5	2	
6	KT213422	Thẩm định tín dụng	2	2	0		2
7	KT213426	Định giá tài sản	2	2	0		
8	KT213432	Lập và thẩm định dự án đầu tư	2	2	0		
9	KT213424	Đầu tư tài chính	2	2	0		2
10	KT213433	Quản trị rủi ro tài chính	2	2	0		
Tổng kỳ 7						14	4

HỌC KỲ 8

TT	Mã HP	Tên học phần	Tín chỉ				
			Tổng	LT	TH	BB	TC
1	ML211033	Lịch sử Đảng cộng sản VN	2	1.4	0.6	2	
2	KT213428	Bảo hiểm	2	1.6	0.4	2	
3	KT216499	Khoá luận tốt nghiệp	10	0	10		10
4	KT216498	Chuyên đề tốt nghiệp	4	0	4		4
5	KT216491	Tài chính doanh nghiệp nâng cao	2	1	1		2
6	KT216492	Tín dụng ngân hàng	2	2	0		2
7	KT216496	Quản trị rủi ro tín dụng	2	2	0		
8	KT216493	Kinh doanh ngoại hối	2	2	0		2
9	KT216494	Tài trợ thương mại quốc tế	2	2	0		
Tổng số						4	10



NGÀNH KINH TẾ

HỌC KỲ 1

TT	Mã HP	Tên học phần	Tín chỉ				
			Tổng	LT	TH	BB	TC
1	FL211011	Tiếng Anh 1	3	3	0	3	
2	KT212101	Kinh tế vi mô 1	3	3	0	3	
3	KT212202	Kỹ năng mềm	2	2	0	2	
4	NL211702	Pháp luật Việt Nam đại cương	2	2	0	2	
5	KT211001	Địa lý kinh tế Việt Nam	2	2	0		2
6	KT211002	Kinh tế đối ngoại	2	2	0		
7	SP211006	Xã hội học đại cương	2	2	0		2
8	SP211014	Tâm lý học đại cương	2	2	0		
9	SP211032	Thế dục cơ bản và điền kinh	1	0	1		1
10	SP211039	Cờ vua 1	1	0	1		
		Tổng kỳ 1				10	5

HỌC KỲ 2

TT	Mã HP	Tên học phần	Tín chỉ				
			Tổng	LT	TH	BB	TC
1	FL211012	Tiếng Anh 2	3	3	0	3	
2	KT212102	Kinh tế vĩ mô 1	3	3	0	3	
3	QP211006	Công tác quốc phòng - An ninh	2	2	0	2	
4	QP211011	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	3	0	3	
5	QP211012	Quân sự chung	1	0.7	0.3	1	
6	QP211013	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	2	0	2	2	
7	KT212510	Soạn thảo văn bản và hợp đồng	2	1.5	0.5		2
8	SP211001	Tiếng Việt thực hành	2	2	0		
9	SP211033	Bóng chuyền cơ bản	1	0	1		1
10	SP211034	Bơi lội cơ bản	1	0	1		
11	SP211035	Cầu lông cơ bản	1	0	1		
12	SP211040	Cờ vua 2	1	0	1		
13	SP211042	Bóng bàn cơ bản	1	0	1		
		Tổng kỳ 2				14	3

HỌC KỲ 3

TT	Mã HP	Tên học phần	Tín chỉ				
			Tổng	LT	TH	BB	TC
1	FL211013	Tiếng Anh 3	3	3	0	3	
2	KC211027	Tin học đại cương	2	1	1	2	
3	KT212201	Marketing	3	2.6	0.4	3	
4	KT212502	Nguyên lý thống kê	3	2	1	3	
5	KT213221	Quản trị học	3	3	0	3	
6	ML211030	Triết học Mác - Lênin	3	3	0	3	
7	SP211036	Thể dục nhịp điệu cơ bản	1	0	1		1
8	SP211037	Taekwondo cơ bản	1	0	1		
9	SP211038	Bóng đá cơ bản	1	0	1		
10	SP211041	Cờ vua 3	1	0	1		
11	SP211043	Bóng rổ cơ bản	1	0	1		
		Tổng kỳ 3				17	1

HỌC KỲ 4

TT	Mã HP	Tên học phần	Tín chỉ				
			Tổng	LT	TH	BB	TC
1	ML211031	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	2	0	2	
2	FL211014	Tiếng Anh 4	3	3	0	3	
3	KT213151	Kinh tế nông nghiệp	3	2.5	0.5	3	
4	KT212401	Tài chính - tiền tệ	3	3	0	3	
5	KT213132	Kinh tế vi mô 2	3	3	0	3	
6	KT213131	Kinh tế vĩ mô 2	3	3	0	3	
7	KC211059	Toán cao cấp cho kinh tế	2	2	0	2	
		Tổng kỳ 4				19	0

HỌC KỲ 5

TT	Mã HP	Tên học phần	Tín chỉ				
			Tổng	LT	TH	BB	TC
1	ML211005	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2	2	0	2	
2	NL213706	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	1.5	0.5	2	
3	KT213434	Kinh tế lượng	2	1.5	0.5	2	
4	KT212507	Toán kinh tế	2	2	0	2	
5	KT213133	Kinh tế phát triển	3	2.5	0.5	3	
6	KT212301	Nguyên lý kế toán	3	3	0	3	
7	KT213107	Kinh tế nguồn nhân lực	2	2	0		2
8	KT213245	Quản trị nhân sự	2	2	0		
9	KT213511	Thống kê doanh nghiệp	2	1.5	0.5		2
10	KT213513	Thống kê kinh tế	2	1.5	0.5		
11	KT213432	Lập và thẩm định dự án đầu tư	2	2	0		2
12	NL213531	Hệ thống định vị toàn cầu (GPS)	2	1.5	0.5		
		Tổng kỳ 5				14	6

HỌC KỲ 6

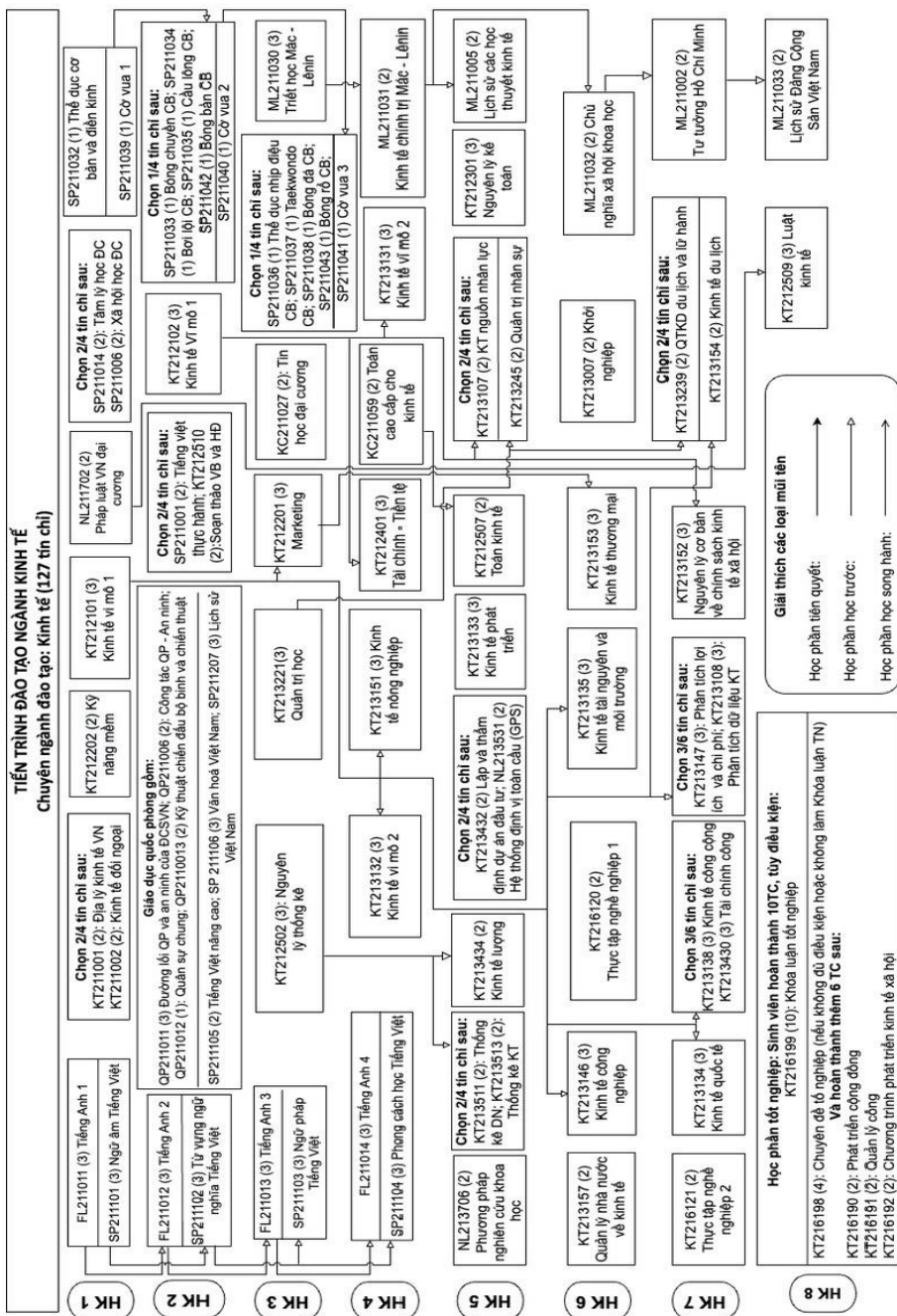
TT	Mã HP	Tên học phần	Tín chỉ				
			Tổng	LT	TH	BB	TC
1	KT213007	Khởi nghiệp	2	1.5	0.5	2	
2	KT213135	Kinh tế tài nguyên và môi trường	3	3	0	3	
3	KT213146	Kinh tế công nghiệp	3	2.5	0.5	3	
4	KT213153	Kinh tế thương mại	2	2	0	2	
5	KT213157	Quản lý nhà nước về kinh tế	2	2	0	2	
6	KT216120	Thực tập nghề nghiệp 1	2	0	2	2	
7	ML211032	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0	2	
		Tổng kỳ 6				16	0

HỌC KỲ 7

TT	Mã HP	Tên học phần	Tín chỉ				
			Tổng	LT	TH	BB	TC
1	KT213134	Kinh tế quốc tế	3	3	0	3	
2	KT213152	Nguyên lý cơ bản về chính sách kinh tế - Xã hội	3	3	0	3	
3	KT216121	Thực tập nghề nghiệp 2	2	0	2	2	
4	ML211002	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	1.5	0.5	2	
5	KT213108	Phân tích dữ liệu kinh tế	3	3	0		3
6	KT213147	Phân tích lợi ích và chi phí	3	3	0		
7	KT213138	Kinh tế công cộng	3	3	0		3
8	KT213430	Tài chính công	3	3	0		
9	KT213154	Kinh tế du lịch	2	2	0		2
10	KT213239	Quản trị kinh doanh du lịch và lữ hành	2	2	0		
Tổng kỳ 7						10	8

HỌC KỲ 8

TT	Mã HP	Tên học phần	Tín chỉ				
			Tổng	LT	TH	BB	TC
1	ML211033	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	1.4	0.6	2	
2	KT212509	Luật kinh tế	3	3	0	3	
3	KT216199	Khóa luận tốt nghiệp	10	0	10		10
4	KT216198	Chuyên đề tốt nghiệp	4	0	4		
5	KT216190	Phát triển cộng đồng	2	2	0		
6	KT216191	Quản lý công	2	2	0		
7	KT216192	Chương trình phát triển kinh tế xã hội	2	2	0		
Tổng kỳ 8						5	10



NGÀNH KINH DOANH THƯƠNG MẠI

HỌC KỲ 1

TT	Mã HP	Tên học phần	Tín chỉ				
			Tổng	LT	TH	BB	TC
1	FL211011	Tiếng Anh 1	3	3	0	3	
2	KC211059	Toán cao cấp cho kinh tế	2	2	0	2	
3	KT212101	Kinh tế vi mô 1	3	3	0	3	
4	KT212202	Kỹ năng mềm	2	2	0	2	
5	NL211702	Pháp luật Việt Nam đại cương	2	2	0	2	
6	SP211006	Xã hội học đại cương	2	2	0		2
7	SP211014	Tâm lý học đại cương	2	2	0		
8	SP211032	Thế dục cơ bản và điền kinh	1	0	1		1
9	SP211039	Cờ vua 1	1	0	1		
Tổng kỳ 1						12	3

HỌC KỲ 2

TT	Mã HP	Tên học phần	Tín chỉ				
			Tổng	LT	TH	BB	TC
1	FL211012	Tiếng Anh 2	3	3	0	3	
2	KT212102	Kinh tế vĩ mô 1	3	3	0	3	
3	ML211031	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	0	2	
4	QP211006	Công tác quốc phòng - An ninh	2	2	0	2	
5	QP211011	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	3	0	3	
6	QP211012	Quân sự chung	1	0.7	0.3	1	
7	QP211013	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	2	0	2	2	
8	SP211033	Bóng chuyền cơ bản	1	0	1		1
9	SP211034	Bơi lội cơ bản	1	0	1		
10	SP211035	Cầu lông cơ bản	1	0	1		
11	SP211040	Cờ vua 2	1	0	1		
12	SP211042	Bóng bàn cơ bản	1	0	1		
Tổng kỳ 2						17	1

HỌC KỲ 3

TT	Mã HP	Tên học phần	Tín chỉ				
			Tổng	LT	TH	BB	TC
1	FL211013	Tiếng Anh 3	3	3	0	3	
2	KC211027	Tin học đại cương	2	1	1	2	
3	KT212201	Marketing	3	2.6	0.4	3	
4	KT213221	Quản trị học	3	3	0	3	
5	ML211005	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2	2	0	2	
6	ML211030	Triết học Mác - Lênin	3	3	0	3	
7	KT212510	Soạn thảo văn bản và hợp đồng	2	1.5	0.5		2
8	SP211001	Tiếng Việt thực hành	2	2	0		1
9	SP211036	Thế dục nhịp điệu cơ bản	1	0	1		
10	SP211037	Taekwondo cơ bản	1	0	1		
11	SP211038	Bóng đá cơ bản	1	0	1		
12	SP211041	Cờ vua 3	1	0	1		
13	SP211043	Bóng rổ cơ bản	1	0	1		
Tổng kỳ 3						16	3

HỌC KỲ 4

TT	Mã HP	Tên học phần	Tín chỉ				
			Tổng	LT	TH	BB	TC
1	ML211032	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0	2	
2	FL211014	Tiếng Anh 4	3	3	0	3	
3	KT212502	Nguyên lý thống kê	3	2	1	3	
4	KT212509	Luật kinh tế	3	3	0	3	
5	KT212401	Tài chính – Tiền tệ	3	3	0	3	
6	KT212301	Nguyên lý kế toán	3	3	0	3	
Tổng kỳ 4						17	0

HỌC KỲ 5

TT	Mã HP	Tên học phần	Tín chỉ				
			Tổng	LT	TH	BB	TC
1	ML211002	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	1.5	0.5	2	
2	NL213706	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	1.5	0.5	2	
3	KT213612	Luật thương mại	2	2	0	2	
4	KT213701	Hành vi khách hàng	2	2	0	2	
5	KT213216	Tâm lý học quản trị kinh doanh	2	2	0	2	
6	KT213203	Quản trị chiến lược	3	3	0	3	
7	KT213105	Kinh tế quốc tế	3	3	0		3
8	KT213230	Kinh tế thương mại	3	3	0		
9	KT213304	Kế toán quản trị	3	3	0		
10	KT213706	Giao tiếp kinh doanh	2	2	0		2
11	KT213231	Giao dịch và đàm phán kinh doanh	2	2	0		
Tổng kỳ 5						13	5

HỌC KỲ 6

TT	Mã HP	Tên học phần	Tín chỉ				
			Tổng	LT	TH	BB	TC
1	ML211033	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	2	1.4	0.6	2	
2	KT213007	Khởi nghiệp	2	1.5	0.5	2	
3	KT213205	Quản trị tài chính	3	3	0	3	
4	KT213209	Quản trị chất lượng	2	2	0	2	
5	KT213709	Quản trị chuỗi cung ứng	2	2	0	2	
6	KT213705	Marketing thương mại	3	2.6	0.4	3	
7	KT213213	Quản trị quan hệ khách hàng	2	2	0	2	
8	KT213412	Thị trường chứng khoán	2	1.6	0.4		2
9	KT213405	Thuế	2	1.6	0.4		
Tổng kỳ 6						16	2

HỌC KỲ 7

TT	Mã HP	Tên học phần	Tín chỉ				
			Tổng	LT	TH	BB	TC
1	KT213204	Quản trị nhân sự	3	3	0	3	
2	KT213208	Quản trị bán hàng	2	2	0	2	
3	KT213212	Thương mại điện tử	2	2	0	2	
4	KT213220	Quản trị doanh nghiệp thương mại dịch vụ	3	3	0	3	
5	KT213248	Hành vi tổ chức	2	2	0	2	
6	KT216297	Thực tập nghề nghiệp	4	0	4	4	
7	KT213217	Quản trị dự án đầu tư	2	2	0		2
8	KT213714	Marketing kỹ thuật số	2	2	0		
Tổng kỳ 7						16	2

HỌC KỲ 8

TT	Mã HP	Tên học phần	Tín chỉ				
			Tổng	LT	TH	BB	TC
1	KT213702	Tiếng anh Kinh doanh	2	2	0	2	
2	KT213228	Quản trị kinh doanh quốc tế	2	2	0	2	
3	KT216299	Khóa luận tốt nghiệp	10	0	10		10
4	KT216298	Chuyên đề tốt nghiệp	4	0	4		
5	KT213713	Quan hệ công chúng	2	2	0		
6	KT213229	Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp	2	2	0		
7	KT216292	Quản trị kênh phân phối	2	2	0		
Tổng kỳ 8						4	10

NGÀNH KINH TẾ PHÁT TRIỂN

HỌC KỲ 1

TT	Mã HP	Tên học phần	Tín chỉ				
			Tổng	LT	TH	BB	TC
1	KT212101	Kinh tế vi mô 1	3	3	0	3	
2	KT212201	Marketing	3	2.6	0.4	3	
3	KT213221	Quản trị học	3	3	0	3	
4	NL211702	Pháp luật Việt Nam đại cương	2	2	0	2	
5	KT211001	Địa lý kinh tế Việt Nam	2	2	0		2
6	KT211002	Kinh tế đối ngoại	2	2	0		
7	SP211006	Xã hội học đại cương	2	2	0		2
8	SP211014	Tâm lý học đại cương	2	2	0		
9	SP211032	Thế dục cơ bản và điền kinh	1	0	1		1
10	SP211039	Cờ vua 1	1	0	1		
Tổng kỳ 1						11	5

HỌC KỲ 2

TT	Mã HP	Tên học phần	Tín chỉ				
			Tổng	LT	TH	BB	TC
1	FL211011	Tiếng Anh 1	3	3	0	3	
2	KC211027	Tin học đại cương	2	1	1	2	
3	KC211059	Toán cao cấp cho kinh tế	2	2	0	2	
4	KT212202	Kỹ năng mềm	2	2	0	2	
5	QP211006	Công tác quốc phòng - An ninh	2	2	0	2	
6	QP211011	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	3	0	3	
7	QP211012	Quân sự chung	1	0.7	0.3	1	
8	QP211013	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	2	0	2	2	
9	SP211033	Bóng chuyền cơ bản	1	0	1		1
10	SP211034	Bơi lội cơ bản	1	0	1		
11	SP211035	Cầu lông cơ bản	1	0	1		
12	SP211040	Cờ vua 2	1	0	1		
13	SP211042	Bóng bàn cơ bản	1	0	1		
Tổng kỳ 2						17	1

HỌC KỲ 3

TT	Mã HP	Tên học phần	Tín chỉ				
			Tổng	LT	TH	BB	TC
1	FL211012	Tiếng Anh 2	3	3	0	3	
2	KT212102	Kinh tế vĩ mô 1	3	3	0	3	
3	KT212502	Nguyên lý thống kê	3	2	1	3	
4	KT212509	Luật kinh tế	3	3	0	3	
5	ML211030	Triết học Mác - Lênin	3	3	0	3	
6	SP211036	Thể dục nhịp điệu cơ bản	1	0	1		1
7	SP211037	Taekwondo cơ bản	1	0	1		
8	SP211038	Bóng đá cơ bản	1	0	1		
9	SP211041	Cờ vua 3	1	0	1		
10	SP211043	Bóng rổ cơ bản	1	0	1		
Tổng kỳ 3						15	1

HỌC KỲ 4

TT	Mã HP	Tên học phần	Tín chỉ				
			Tổng	LT	TH	BB	TC
1	ML211031	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	2	0	2	
2	FL211013	Tiếng Anh 3	3	3	0	3	
3	NL213706	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	1.5	0.5	2	
4	KT212401	Tài chính - tiền tệ	3	3	0	3	
5	KT212507	Toán kinh tế	2	2	0	2	
6	KT212510	Soạn thảo văn bản và hợp đồng	2	1.5	0.5	2	
7	KT212301	Nguyên lý kế toán	3	3	0	3	
8	KT213511	Thống kê doanh nghiệp	2	1.5	0.5		2
9	KT213513	Thống kê kinh tế	2	1.5	0.5		
Tổng kỳ 4						17	2

HỌC KỲ 5

TT	Mã HP	Tên học phần	Tín chỉ				
			Tổng	LT	TH	BB	TC
1	ML211032	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0	2	
2	KT213007	Khởi nghiệp	2	1.5	0.5	2	
3	FL211014	Tiếng Anh 4	3	3	0	3	
4	KT213434	Kinh tế lượng	2	1.5	0.5	2	
5	KT213013	Kinh tế phát triển 1	3	3	0	3	
6	KT213132	Kinh tế vi mô 2	3	3	0	3	
7	KT213131	Kinh tế vĩ mô 2	3	3	0	3	
Tổng kỳ 5						18	0

HỌC KỲ 6

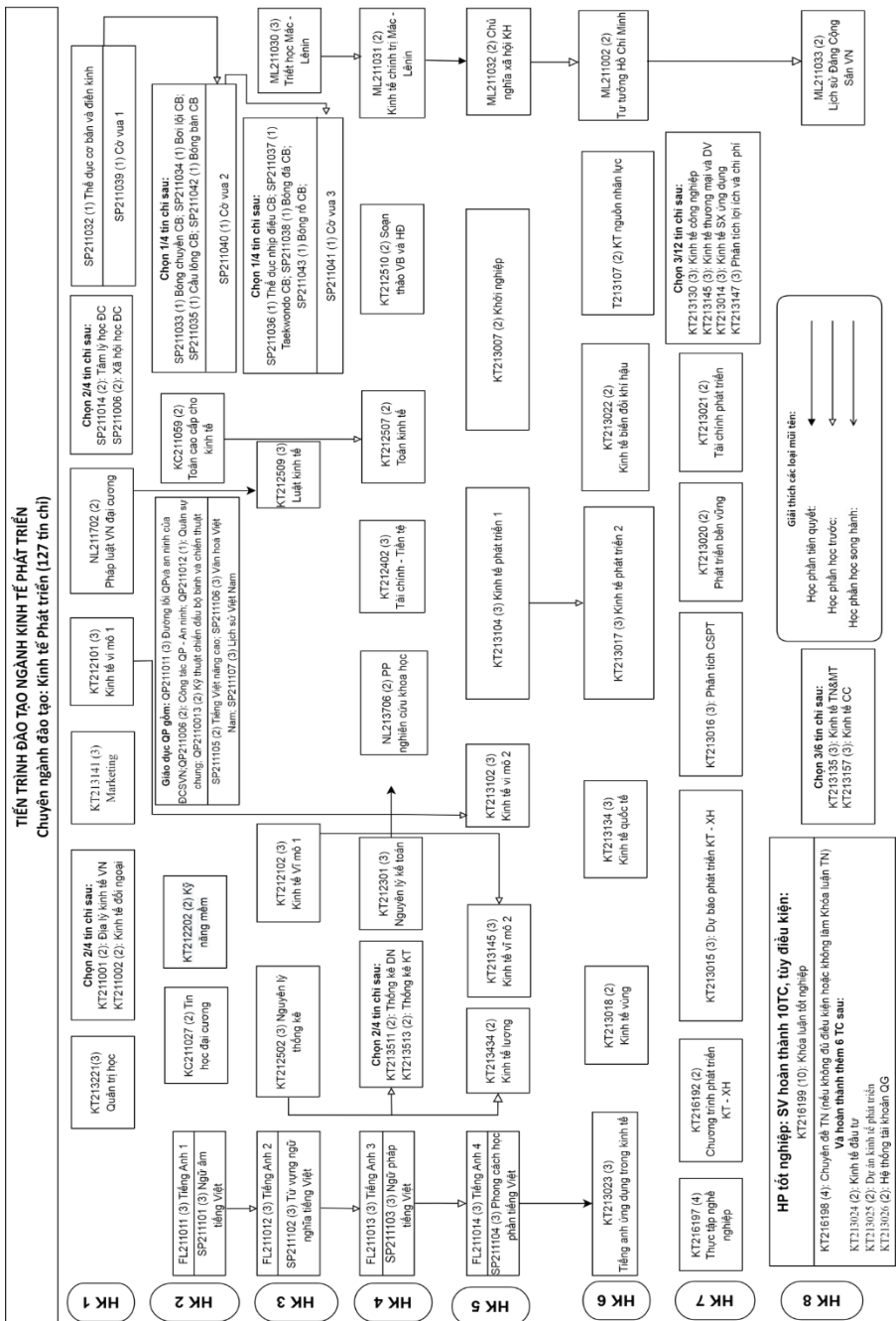
TT	Mã HP	Tên học phần	Tín chỉ				
			Tổng	LT	TH	BB	TC
1	KT213017	Kinh tế phát triển 2	3	3	0	3	
2	KT213018	Kinh tế vùng	2	2	0	2	
3	KT213022	Kinh tế biến đổi khí hậu	2	2	0	2	
4	KT213023	Tiếng anh ứng dụng trong kinh tế	3	3	0	3	
5	KT213107	Kinh tế nguồn nhân lực	2	2	0	2	
6	KT213134	Kinh tế quốc tế	3	3	0	3	
7	ML211002	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	1.5	0.5	2	
Tổng kỳ 6						17	0

HỌC KỲ 7

TT	Mã HP	Tên học phần	Tín chỉ				
			Tổng	LT	TH	BB	TC
1	KT213015	Dự báo phát triển KT - XH	3	3	0	3	
2	KT213020	Phát triển bền vững	2	2	0	2	
3	KT213021	Tài chính phát triển	2	2	0	2	
4	KT216192	Chương trình phát triển kinh tế xã hội	2	2	0	2	
5	KT216197	Thực tập nghề nghiệp	4	0	4	4	
6	KT213016	Phân tích chính sách phát triển	3	3	0		
7	KT213147	Phân tích lợi ích và chi phí	3	3	0	3	3
8	KT213014	Kinh tế sản xuất ứng dụng	3	3	0		
9	KT213145	Kinh tế thương mại và dịch vụ	3	3	0		
10	KT213146	Kinh tế công nghiệp	3	2.5	0.5		
Tổng kỳ 7						16	3

HỌC KỲ 8

TT	Mã HP	Tên học phần	Tín chỉ				
			Tổng	LT	TH	BB	TC
1	ML211033	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	1.4	0.6	2	
2	KT213135	Kinh tế tài nguyên và môi trường	3	3	0		3
3	KT213138	Kinh tế công cộng	3	3	0		
4	KT216499	Khóa luận tốt nghiệp	10	0	10		10
5	KT216498	Chuyên đề tốt nghiệp	4	0	4		
6	KT213024	Kinh tế đầu tư	2	2	0		
7	KT213025	Dự án kinh tế phát triển	2	2	0		
8	KT213026	Hệ thống tài khoản quốc gia	2	2	0		
Tổng kỳ 8						2	13



NGÀNH CÔNG NGHỆ TÀI CHÍNH

HỌC KỲ 1

TT	Mã HP	Tên học phần	Tín chỉ				
			Tổng	LT	TH	BB	TC
1	FL211011	Tiếng Anh 1	3	3	0	3	3
2	SP211101	Ngữ âm tiếng Việt (Dành cho SV nước ngoài)	3	3			
3	SP211032	Thế dục CB và Điền kinh	1	0	1		1
4	SP211039	Cờ vua 1	1	0	1		
5	KT213081	Tài chính cá nhân	2	2	0		2
6	SP211014	Tâm lý học đại cương	2	2	0		
7	SP211006	Xã hội học đại cương	2	2	0		
8	KT212202	Kỹ năng mềm	2			2	
9	KT212101	Kinh tế Vi mô 1	3			3	
10	ML211030	Triết học Mác – Lênin	3			3	
11	KC211027	Tin học đại cương	2			2	
12	KT213072	Nhập môn ngành công nghệ tài chính	2			2	
Tổng học kỳ 1:			26			15	3

HỌC KỲ 2

TT	Mã HP	Tên học phần	Tín chỉ				
			Tổng	LT	TH	BB	TC
1	KT212102	Kinh tế Vi mô 1	3	3	0	3	
2	KT212510	Soạn thảo văn bản và hợp đồng	2	1,5	0,5		2
3	SP211001	Tiếng Việt thực hành	2	2	0		
4	FL211012	Tiếng Anh 2	3	3	0	3	
5	SP211102	Từ vựng ngữ nghĩa tiếng Việt (Dành cho SV nước ngoài)	3	3	0		
6	SP211033	Bóng chuyền cơ bản	1	0	0		1
7	SP211034	Bơi lội cơ bản	1	0	0		
8	SP211035	Cầu lông cơ bản	1	0	0		
9	SP211042	Bóng bàn cơ bản	1	0	0		
10	SP211040	Cờ vua 2	1	0	0		
11	KT212502	Nguyên lý thống kê	3	2	1	3	

12	QP211011	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng CSVN	3	3	0	3	
13	QP211006	Công tác quốc phòng an ninh	2	2	0	2	
14	QP211012	Quân sự chung	1	0,7	0,3	1	
15	QP211013	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	2	0	2	2	
Nhóm học phần thay thế các học phần Giáo dục Quốc phòng đối với sinh viên nước ngoài							
16	SP211105	Tiếng Việt nâng cao	2	2	0	2	
17	SP211106	Văn hóa Việt Nam	3	3	0	3	
18	SP211107	Lịch sử Việt Nam	3	3	0	3	
Tổng học kỳ 2:			37			17	3

HỌC KỲ 3

TT	Mã HP	Tên học phần	Tín chỉ				
			Tổng	LT	TH	BB	TC
1	ML211031	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	0	2	
2	NL211702	Pháp luật Việt Nam đại cương	2	2	0	2	
3	KC211059	Toán cao cấp cho kinh tế	2	2	0	2	
4	FL211013	Tiếng Anh 3	3	3	0	3	
5	SP211103	Ngữ pháp tiếng Việt (Dành cho SV nước ngoài)	3	3	0		
6	SP211037	Teakwondo cơ bản	1	0	1		1
7	SP211036	Thể dục nhịp điệu cơ bản	1	0	1		
8	SP211038	Bóng đá cơ bản	1	0	1		
9	SP211043	Bóng rổ cơ bản	1	0	1		
10	SP211041	Cờ vua 3	1	0	1		
11	KT212401	Tài chính - tiền tệ	3	3	0	3	
12	KT212201	Marketing	3	2,6	0,4	3	
13	KT212301	Nguyên lý kế toán	3	3	0	3	
Tổng học kỳ 3:			26			18	1

HỌC KỲ 4

TT	Mã HP	Tên học phần	Tín chỉ				
			Tổng	LT	TH	BB	TC
1	FL211014	Tiếng Anh 4	3	3	0	3	
2	SP211104	Phong cách học phần tiếng Việt (Dành cho SV nước ngoài)	3	3	0		
3	KC212605	Cơ sở dữ liệu	3	2	1	3	
4	KC215042	Lập trình Python	3	2	1	3	
5	KT213436	Luật ngân hàng	2	2	0		2
6	KT213404	Tiền tệ ngân hàng	2	2	0		
7	KT213431	Toán tài chính	2	2	0		2
8	KT213425	Hệ thống thông tin Tài chính - Ngân hàng	2	1,6	0,4		
9	KT213221	Quản trị học	3	3	0	3	
10	KT213412	Thị trường chứng khoán	2	2	0		2
11	KT213405	Thuế	2	2	0		
Tổng học kỳ 4:			27			12	6

HỌC KỲ 5

TT	Mã HP	Tên học phần	Tín chỉ				
			Tổng	LT	TH	BB	TC
1	KT213428	Bảo hiểm	2	1,6	0,4		2
2	KT213433	Quản trị rủi ro tài chính	2	2	0		
3	KT213082	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu trong tài chính	3	2	1	3	
4	ML211032	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0	2	
5	KT213401	Tài chính doanh nghiệp	3	3	0	3	
6	KT213069	Tiếng anh chuyên ngành CNTC	2	2	0		2
7	KC211615	Tiếng anh chuyên ngành CNTT	2	2	0		
8	KT213437	Tiếng anh chuyên ngành TCNH	2	2	0		
9	KT213074	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	3	2,5	0,5	3	
10	KT213070	Ứng dụng Python trong tài chính	2	1	1	2	
11	KT213007	Khởi nghiệp	2	1,5	0,5	2	
Tổng học kỳ 5:			25			15	4

HỌC KỲ 6

TT	Mã HP	Tên học phần	Tín chỉ				
			Tổng	LT	TH	BB	TC
1	KT213073	Phân tích dữ liệu lớn trong tài chính	2	1,4	0,6	2	
2	KT213071	Ứng dụng Blockchain trong tài chính	2	1	1	2	
3	KT213417	Thanh toán và tín dụng quốc tế	2	2	0		
4	KT213076	Công nghệ tiền điện tử và TT điện tử	2	2	0		2
5	KT213408	Tài chính quốc tế	2	2	0	2	
6	NL213706	Phương pháp NCKH	2	1,5	0,5	2	
7	KT213429	Phân tích tài chính	3	2,6	0,4	3	
8	KT213315	Kế toán doanh nghiệp	3	3	0		3
9	KT213310	Kế toán ngân hàng	3	3	0		
10	KT213212	Thương mại điện tử	2	2	0		2
11	KT213075	Marketing dịch vụ tài chính	2	1,6	0,4		
Tổng học kỳ 6:			25			11	7

HỌC KỲ 7

TT	Mã HP	Tên học phần	Tín chỉ				
			Tổng	LT	TH	BB	TC
1	KT213424	Đầu tư tài chính	2	2	0	2	
2	KT213077	Máy học và trí tuệ nhân tạo trong tài chính	2	1	1	2	
3	KT213078	An toàn thông tin trong tài chính	2	2	0	2	
4	KT213422	Thẩm định tín dụng	2	2	0		2
5	KT213426	Lập và thẩm định dự án đầu tư	2	2	0		
6	KT213432	Định giá tài sản	2	2	0		2
7	KT213413	Quản trị ngân hàng thương mại	2	2	0		
8	KT213083	Thực tập nghề nghiệp	4	0	4	4	
9	ML211002	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	1,5	0,5	2	
Tổng học kỳ 7:			20			12	4

HỌC KỲ 8

TT	Mã HP	Tên học phần	Tín chỉ				
			Tổng	LT	TH	BB	TC
1	ML211033	Lịch sử Đảng cộng sản VN	2	1,4	0,6	2	
2	KT213084	Khóa luận tốt nghiệp	10	0	10		10
Sinh viên không làm khóa luận thì làm chuyên đề tốt nghiệp							
và chọn học 3 học phần tương đương 6 tín chỉ							
3	KT213085	Chuyên đề tốt nghiệp	4	0	4		4
4	KT216491	Tài chính doanh nghiệp nâng cao	2	2	0		
5	KT213080	Chuyên đề về công nghệ tài chính nâng cao	2	1,5	0,5		
6	KT213078	Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản trị rủi ro tín dụng	2	2	0		6
Tổng học kỳ 8:			12			2	10

12. TIẾN TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH CÔNG NGHỆ TÀI CHÍNH
Tên Chương trình đào tạo: Công nghệ Tài chính (129 tín chỉ)

